

LỜI NÓI ĐẦU

Doanh nghiệp là những đơn vị kinh tế phải luôn luôn sáng tạo để đứng vững trên thị trường. Muốn vậy, các nhà doanh nghiệp phải biết sử dụng các công cụ quản lí tài chính sao cho phù hợp cho từng công đoạn sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất.

Xuất phát từ nhu cầu trên, kế toán trở thành công cụ quan trọng, đặc lực trong việc quản lí, điều hành các hoạt động, tính toán và kiểm tra việc bảo vệ, sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo tài chính cũng như chủ động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mục đích của doanh nghiệp nào cũng là tối đa hoá lợi nhuận một cách hợp pháp nghĩa là hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải có hiệu quả, Hơn thế nữa phải là hiệu quả càng cao, lãi càng nhiều thì càng tốt. Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì vật liệu chiếm tỉ lệ lớn trong toàn bộ chi phí của doanh nghiệp. Do đó, việc sử dụng hợp lí, tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu trên cơ sở định mức và dự toán chi phí là biện pháp hữu hiệu nhất để hạ thấp chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, tăng thu nhập cho doanh nghiệp đồng thời tiết kiệm được lao động cho xã hội.

Nhận thức được tính thiết thực của vấn đề này, trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần May Hai, em đã lựa chọn nghiên cứu đề tài “**Tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu ở công ty Cổ phần May Hai**” làm đề tài cho chuyên đề tốt nghiệp.

Là một công ty may hoạt động trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt của nhiều doanh nghiệp trong ngành dệt may trong cả nước như: Công ty Dệt Nam Định, Công ty Việt Tiến, Công ty Dệt 8/3, Công ty Dệt Việt Thắng, Công ty may Sài Đồng, Công ty Kim Won Hàn Quốc một số Công ty của Singapore, Đài Loan... Bên cạnh đó, khi mua nguyên vật liệu Công ty cũng phải chịu sự biến động về giá cả về nguyên vật liệu trên thế giới. Chính vì vậy

công tác kế toán nguyên vật liệu ở công ty rất được chú trọng và được xem là một bộ phận không thể thiếu được trong toàn bộ công tác quản lý của công ty.

Trong những năm qua được tiếp thu về một lý luận của các thầy cô giáo trường ĐHDL Hải Phòng, sự hướng dẫn tận tình của giảng viên Th.s Phạm Văn Tường và qua quá trình thực tại Công ty Cổ phần May Hai, em nhận thấy vai trò quan trọng của kế toán, đặc biệt là kế toán vật liệu đối với công tác quản lý tại công ty cổ phần May Hai.

PHẦN I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

I. Ý nghĩa của nguyên vật liệu và quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1. Đặc điểm, vai trò của nguyên vật liệu

1.1. Đặc điểm của nguyên vật liệu.

Để tiến hành sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cần phải có đầy đủ các yếu tố cơ bản, đó là: lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động. Nguyên vật liệu là đối tượng lao động, là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động đã trải qua tác động của lao động con người và được các đơn vị sản xuất sử dụng làm chất liệu ban đầu để tạo ra sản phẩm.

Nguyên vật liệu có các đặc điểm: sau mỗi chu kỳ sản xuất, nguyên vật liệu được tiêu dùng toàn bộ hình thái vật chất ban đầu của nó không tồn tại. Nói khác đi, nguyên vật liệu bị tiêu hao hoàn toàn hay bị biến dạng đi trong quá trình sản xuất và cấu thành hình thái vật chất của sản phẩm.

Giá trị nguyên vật liệu được chuyển dịch toàn bộ và chuyển dịch một lần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra, nguyên vật liệu không hao mòn dần như tài sản cố định.

1.2. Vai trò của nguyên vật liệu

Từ đặc điểm cơ bản của nguyên vật liệu, ta có thể thấy nguyên vật liệu được xếp vào tài sản lưu động, giá trị nguyên vật liệu thuộc vốn lưu động. Nguyên vật liệu có nhiều loại, thứ khác nhau, bảo quản phức tạp. Nguyên vật liệu thường được nhập xuất hàng ngày.

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến sản phẩm được sản xuất. Thông thường trong các

doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu thường chiếm một tỷ trọng rất lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, nên việc tiết kiệm nguyên vật liệu và sử dụng đúng mục đích, đúng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm và thực hiện tốt kết quả sản xuất kinh doanh.

Xuất phát từ vai trò quan trọng của nguyên vật liệu đòi hỏi các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu ở tất cả các khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, sử dụng. Trong một chừng mực nào đó, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu là cơ sở để tăng thêm sản phẩm mới cho xã hội, tiết kiệm được nguồn tài nguyên vốn không phải là vô tận.

2. Phân loại, đánh giá nguyên vật liệu.

2.1 Phân loại nguyên vật liệu.

Phân loại nguyên vật liệu là sắp xếp các thứ nguyên vật liệu cùng loại với nhau theo một đặc trưng nhất định nào đó thành từng nhóm để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán.

Nguyên vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp bao gồm nhiều loại có công dụng khác nhau được sử dụng ở nhiều bộ phận khác nhau, có thể được bảo quản, dự trữ trên nhiều địa bàn khác nhau. Do vậy để thống nhất công tác quản lý nguyên vật liệu giữa các bộ phận có liên quan, phục vụ cho yêu cầu phân tích, đánh giá tình hình cung cấp, sử dụng nguyên vật liệu cần phải phân loại nguyên vật liệu. Có nhiều cách phân loại nguyên vật liệu, hiện nay cách chủ yếu là phân loại nguyên vật liệu theo tác dụng của nó đối với quá trình sản xuất

Theo cách này thì nguyên vật liệu được phân ra thành các loại như sau:

- *Nguyên liệu, vật liệu chính*: (bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài).

Đối với các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu chính là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể sản phẩm như sắt, thép trong các doanh nghiệp chế tạo máy, cơ khí, xây dựng cơ bản, bông trong các doanh nghiệp kéo sợi, vải trong doanh nghiệp may... Đối với nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp

tục quá trình sản xuất sản phẩm ví như: Sợi mua ngoài trong các nhà máy may cũng được coi là nguyên vật liệu chính.

- *Vật liệu phụ*: là đối tượng lao động nhưng không phải là cơ sở vật chất chủ yếu để hình thành nên sản phẩm mới. Vật liệu phụ chỉ có vai trò phụ trợ trong quá trình sản xuất kinh doanh được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để hoàn thiện và nâng cao tính năng chất lượng của sản phẩm, hoặc được sử dụng để đảm bảo cho công cụ lao động hoạt động bình thường, hoặc để phục vụ cho yêu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

- *Nhiên liệu*: là thứ để tạo ra năng lượng cung cấp nhiệt lượng bao gồm các loại ở thể rắn, lỏng, khí dùng để phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm cho các phương tiện vận tải máy móc thiết bị hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh như: xăng, dầu, than... Nhiên liệu thực chất là vật liệu phụ để tách thành một nhóm riêng do vai trò quan trọng của nó nhằm mục đích quản lý và hạch toán thuận tiện hơn.

- *Phụ tùng thay thế*: bao gồm các loại phụ tùng, chi tiết dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất phương tiện vận tải.

- *Thiết bị và vật liệu xây dựng cơ bản*: là các vật liệu, thiết bị phục vụ cho hoạt động xây dựng cơ bản, tài tạo tài sản cố định.

- *Phế liệu thu hồi*: là những loại phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất để sử dụng hoặc bán ra ngoài.

Việc phân chia này giúp cho doanh nghiệp tổ chức các tài khoản chi tiết dễ dàng hơn trong việc quản lý và hạch toán nguyên vật liệu. Tuy nhiên do quá trình sản xuất cụ thể được tiến hành ở các doanh nghiệp khác nhau nên việc phân loại nguyên vật liệu như trên chỉ mang tính chất tương đối.

Ngoài ra có thể phân loại nguyên vật liệu theo các loại sau:

- Căn cứ vào nguồn thu nhập, nguyên vật liệu được chia thành:
 - . Nguyên vật liệu mua ngoài: mua từ thị trường trong nước hoặc mua nhập khẩu.

- . Nguyên vật liệu từ gia công chế biến
- . Nguyên vật liệu thu ngoài gia công sản xuất.
- . Nguyên vật liệu nhận góp vốn.
- Căn cứ vào chức năng nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất thì nguyên vật liệu bao gồm:
 - . Nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho chế tạo sản phẩm và sản xuất
 - . Nguyên vật liệu dùng cho các nhu cầu khác: phục vụ ở các phân xưởng, tổ đội sản xuất, cho nhu cầu bán hàng quản lý doanh nghiệp.

2.2 Định giá nguyên vật liệu

Đánh giá vật liệu là cách xác định giá trị của chúng theo từng nguyên tắc nhất định. Theo quy định hiện hành kế toán nhập xuất, tồn nguyên vật liệu phải phản ánh theo giá trị kinh tế, khi xuất kho cũng phải xác định giá trị thực tế xuất kho theo đúng phương pháp quy định. Sau đây là một số phương pháp định giá nguyên vật liệu.

2.2.1 Đánh giá vật liệu theo giá trị thực tế.

a. Giá trị thực tế vật liệu nhập kho.

- Đối với nguyên vật liệu ngoài là trị giá vốn thực tế nhập kho

| | | | | | | |
|---|---|---------------------------------|---|-----------------|---|-------------------------|
| Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu | = | Giá mua vật liệu (theo hóa đơn) | + | Chi phí thu mua | + | Thuế nhập khẩu (nếu có) |
|---|---|---------------------------------|---|-----------------|---|-------------------------|

+ Đối với các đơn vị tính thuế VAT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua thực tế là giá không thuế VAT đầu vào.

+ Đối với các đơn vị tính thuế VAT trực tiếp và là cơ sở kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế thì giá mua thực tế là giá mua đã có thuế VAT.

+ Đối với nguyên vật liệu mua vào sử dụng đồng thời cả hai hoạt động chịu thuế và không chịu thuế VAT thì về nguyên tắc phải hạch toán riêng và chỉ được khấu trừ VAT đầu vào đối với phần nguyên vật liệu chịu thuế VAT đầu ra.

+ Trường hợp không thể hạch toán riêng thì toàn bộ VAT đầu vào của nguyên vật liệu đều phản ánh trên tài khoản 133 (1331) đến cuối kỳ kế toán mới phân bổ VAT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ phần trăm giữa doanh thu chịu thuế VAT trên tổng doanh thu bán hàng của doanh nghiệp. Số thuế VAT không được khấu trừ sẽ phản ánh vào giá tồn hàng bán (632) trường hợp số tồn kho quá lớn thì sẽ được phản ánh vào tài khoản 142 (1422).

+ Trường hợp nguyên vật liệu doanh nghiệp thu mua của các cá nhân hoặc tổ chức sản xuất đem bán sản phẩm chính họ (thường là nguyên vật liệu thuộc hàng nông sản) thì phải lập bảng kê thu mua hoa hồng và sẽ được khấu trừ VAT theo tỷ lệ 2% trên tổng giá trị hàng mua vào. Trường hợp khấu trừ này không được áp dụng đối với các doanh nghiệp thu mua nguyên vật liệu để xuất khẩu hoặc để sản xuất hàng xuất khẩu.

- Đối với vật liệu do doanh nghiệp tự gia công chế biến thì giá thực tế nguyên vật liệu là giá vật liệu xuất gia công, chế biến, cộng với các chi phí gia công chế biến. Chi phí chế biến gồm: chi phí nhân công, chi phí khấu hao máy móc thiết bị và các khoản chi phí khác.

- Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến.

| | | | | |
|---------------------------------|---|---------------------------------------|---|-----------------------------|
| Giá thực tế của nguyên vật liệu | = | Giá trị nguyên vật liệu xuất gia công | + | Chi phí thuê ngoài gia công |
|---------------------------------|---|---------------------------------------|---|-----------------------------|

Chi phí thuê ngoài gia công gồm: tiền thực gia công phải trả chi phí vận chuyển đến cơ sở gia công và ngược lại.

- Đối với vật liệu nhận vốn góp liên doanh thì giá thực tế là giá trị vật liệu do hội đồng gia công đánh giá.

- Đối với vật liệu do nhà nước cấp hoặc được tặng thì giá trị thực tế được tính là giá trị của vật liệu ghi trên biên bản bàn giao hoặc ghi theo giá trị vật hiến tặng, thường tương đương với giá trị trường.

- Đối với phế liệu thu hồi: được đánh giá theo giá ước tính hoặc giá thực tế (có thể bán được).

b. Giá thực tế vật liệu xuất kho.

Vật liệu trong doanh nghiệp được thu mua nhập kho thường xuyên từ nhiều nguồn khác nhau. Do vậy giá thực tế của từng lần, từng đợt nhập cũng không hoàn toàn giống nhau vì trong khi xuất kho kế toán phải tính toán xác định giá thực tế xuất kho cho các đối tượng sử dụng theo phương pháp tính giá thực tế xuất kho đã được đăng ký áp dụng trong các niên độ kế toán. Để tính trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho các doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau.

** Phương pháp tính giá theo giá đích danh.*

- Phương pháp này được áp dụng với các vật liệu có giá trị cao, các loại vật tư đặc chủng. Giá thực tế của vật liệu xuất kho được căn cứ vào đơn giá thực tế của vật liệu nhập kho theo từng lô, từng loạt nhập, và số lượng xuất kho theo từng lần.

Sử dụng phương pháp đích danh sẽ tạo thuận lợi cho kế toán trong việc tính toán giá thành vật liệu được chính xác, phản ánh được mối quan hệ cân đối giữa hiện vật và giá trị nhưng có nhược điểm là phải theo dõi chi tiết giá vật liệu nhập kho theo từng lần nhập nếu không vật liệu xuất kho sẽ không sát với giá thực tế của thị trường.

** Phương pháp tính giá theo giá bình quân gia quyền.*

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư. Theo phương pháp này căn cứ vào giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ và nhập kho trong kỳ, kế toán xác định giá bình quân của một đơn vị vật liệu. Căn cứ vào

lượng vật liệu xuất trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định giá thực tế của vật liệu xuất trong kỳ.

| | | |
|--|---|---|
| Đơn giá xuất bình quân gia quyền cả kỳ | = | $\frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{giá trị thực tế nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$ |
|--|---|---|

| | | | | |
|------------------|---|---------------|---|--------------|
| Trị giá xuất kho | = | Số lượng xuất | x | Đơn giá xuất |
|------------------|---|---------------|---|--------------|

Tính theo phương pháp này sẽ có kết quả chính xác, nhưng nó đòi hỏi doanh nghiệp phải hạch toán được chặt chẽ về một số lượng của từng loại vật liệu, công việc tính toán phức tạp đòi hỏi trình độ cao.

** Phương pháp tính giá theo giá thực tế nhập trước - xuất trước.*

Theo phương pháp này vật liệu nhập trước được xuất dùng hết mới xuất dùng đến lần nhập sau. Do đó, giá vật liệu xuất dùng được tính hết theo giá nhập kho lần trước, xong mới tính theo giá nhập kho lần sau. Như vậy giá thực tế vật liệu tồn cuối kỳ chính là giá thực tế vật liệu nhập kho thuộc các lần mua vào sau cùng.

Như vậy nếu giá có xu hướng tăng lên thì giá của vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ cao và giá trị vật liệu sử dụng sẽ nhỏ đi nên giá thành phẩm giảm, lợi nhuận trong kỳ tăng. Trường hợp ngược lại giá cả có xu hướng giảm thì chi phí vật liệu trong kỳ sẽ lớn. Do đó lợi nhuận trong kỳ sẽ giảm và giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ nhỏ.

** Phương pháp tính giá theo giá thực tế nhập sau – xuất trước.*

Theo phương pháp này, những vật liệu mua sau sẽ được xuất trước tiên phương pháp này ngược lại với phương pháp nhập trước – xuất trước.

2.2.2 Đánh giá vật liệu theo giá hạch toán.

Việc dùng giá thực tế để hạch toán vật liệu thường áp dụng trong các doanh nghiệp có quy mô không lớn, chủng loại vật tư không nhiều. Đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn, khối lượng chủng loại vật tư nhiều tình hình nhập xuất diễn ra thường xuyên thì việc xác định giá thực tế của vật liệu hàng là rất khó khăn tốn nhiều chi phí. Trong những trường hợp đó để đảm bảo theo dõi kịp thời việc giá hạch toán là giá tạm tính hay giá kế hoạch được quy định thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp và được sử dụng trong kỳ chúng ta có thể tiến hành đánh giá hạch toán theo các bước sau:

* Hàng ngày sử dụng giá hạch toán theo giá thực tế để có số liệu ghi vào tài khoản sổ kế toán tổng hợp và báo cáo kết quả theo công thức.

| | | |
|--------------------|---|---|
| Hệ số giá vật liệu | = | $\frac{\text{Trị giá thực tế VL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế VL nhập trong kỳ}}{\text{Trị giá hạch toán VL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hạch toán VL nhập trong kỳ}}$ |
|--------------------|---|---|

| | | | | |
|------------------------------------|---|--------------------------------|---|-----------|
| Giá vật liệu thực tế xuất trong kỳ | = | Giá vật liệu xuất kho trong kỳ | x | Hệ số giá |
|------------------------------------|---|--------------------------------|---|-----------|

Tùy thuộc vào đặc điểm, yêu cầu, trình độ quản lý của doanh nghiệp mà hệ số giá vật liệu có thể tính riêng cho từng thứ từng loại hoặc cả loại vật liệu. Tuy có nhiều phương pháp tính giá vật liệu nhưng mỗi doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong những phương pháp đó vì mỗi phương pháp có ưu điểm và nhược điểm riêng nên áp dụng phương pháp nào cho phù hợp với đặc điểm, quy mô là vấn đề đặt ra cho mỗi doanh nghiệp.

3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu.

3.1 Yêu cầu của công tác quản lý nguyên vật liệu.

Muôn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tiến hành được đều đặn, liên tục phải thường xuyên đảm bảo cho nó các loại nguyên vật liệu đủ về số lượng, kịp về thời gian, đúng về quy cách phẩm chất. Đây là một vấn đề bắt buộc mà nếu thiếu thì không thể có quá trình sản xuất sản phẩm được. Đảm bảo cung ứng, dự trữ, sử dụng tiết kiệm các loại nguyên vật liệu có tác động mạnh mẽ đến các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó yêu cầu quản lý chúng thể hiện một số điểm sau:

- *Thu mua*: nguyên vật liệu là tài sản dự trữ sản xuất thường xảy ra biến động do các doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành cung ứng vật tư nhằm đáp ứng kịp thời cho sản xuất. Cho nên khâu mua phải quản lý về khối lượng quản lý có hiệu quả, chống thất thoát vật liệu, việc thu mua theo đúng yêu cầu sử dụng, giá mua hợp lý, thích hợp với chi phí thu mua để hạ thấp giá thành sản phẩm.

- *Bảo quản*: việc dự trữ vật liệu hiện tại kho, bãi cần được thực hiện theo đúng chế độ quy định cho từng loại vật liệu phù hợp với tính chất lý, hoá của mỗi loại, mỗi quy mô tổ chức của doanh nghiệp tránh tình trạng thất thoát, lãng phí vật liệu đảm bảo an toàn là một trong các yêu cầu quản lý đối với vật liệu.

- *Dự trữ*: xuất phát từ đặc điểm của vật liệu chỉ tham gia việc dự trữ nguyên vật liệu như thế nào để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh hiện tại là điều kiện hết sức quan trọng. Mục đích của dự trữ là đảm bảo cho nhu cầu sản xuất kinh doanh không quá ứ đọng vốn nhưng không làm gián đoạn quá trình sản xuất. Hơn nữa, doanh nghiệp cần phải xây dựng định mức dự trữ vật liệu cần thiết, tối đa, tối thiểu cho sản xuất, xây dựng xác định mức tiêu hao vật liệu.

- *Sử dụng*: sử dụng tiết kiệm, hợp lý trên cơ sở xác định mức chi phí có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp, chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, tăng thu nhập tích lũy cho doanh nghiệp. Do vậy trong khâu sử dụng cần quán triệt

nguyên tắc sử dụng đúng mức quy định sử dụng đúng quy trình sản xuất đảm bảo tiết kiệm chi phí trong giá thành.

Như vậy để tổ chức tốt công tác quản lý nguyên vật liệu nói chung và hạch toán nguyên vật liệu nói riêng đòi hỏi phải có những điều kiện nhất định. Điều kiện quan trọng đầu tiên là các doanh nghiệp phải có đầy đủ kho tàng để bảo quản nguyên vật liệu, kho phải được trang bị các phương tiện bảo quản và cân, đo, đong, đếm cần thiết, phải bố trí thủ kho và nhân viên bảo quản có nghiệp vụ thích hợp và có khả năng nắm vững và thực hiện việc ghi chép ban đầu cũng như sổ sách hạch toán kho. Việc bố trí, sắp xếp nguyên vật liệu trong kho phải đúng yêu cầu và kỹ thuật bảo quản, thuận tiện cho việc nhập, xuất và theo dõi kiểm tra. Đối với mỗi thứ nguyên vật liệu phải xây dựng định mức dự trữ, xác định rõ giới hạn dự trữ tối thiểu, tối đa để có căn cứ phòng ngừa các trường hợp thiếu vật tư phục vụ sản xuất hoặc dự trữ vật tư quá nhiều gây ứ đọng vốn.

Ngoài ra phải xác định rõ trách nhiệm vật chất của các cá nhân và tổ chức có liên quan đến sự an toàn của nguyên vật liệu trong các khâu thu mua, dự trữ và sử dụng. Xây dựng quy chế xử lý rõ ràng, nghiêm ngặt các trường hợp nguyên vật liệu ứ đọng, kém phẩm chất, hao hụt, giảm giá

3.2 Nhiệm vụ của kế toán vật liệu.

Nhận thức được vị trí của nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất đòi hỏi hệ thống quản lý phản ánh chính xác đầy đủ các thông tin số liệu về nguyên vật liệu. Do vậy, nhiệm vụ đặt ra đối với công tác hạch toán nguyên vật liệu là:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập, xuất tồn nguyên vật liệu. Tính giá thực tế của nguyên vật liệu đã mua. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua nguyên vật liệu về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn... nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất kinh doanh.

- Áp dụng đúng đắn phương pháp hạch toán nguyên vật liệu. Hướng dẫn và kiểm tra các phân xưởng, các phòng ban trong đơn vị thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về nguyên vật liệu.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu. Kiểm tra tình hình nhập xuất nguyên vật liệu. Phát hiện, ngăn ngừa đề xuất biện pháp xử lý nguyên vật liệu thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất để động viên đúng mức nguồn vốn nội bộ, tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn. Tính toán chính xác số lượng, giá trị nguyên vật liệu thực tế đã đưa vào sử dụng và tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh. Phân bổ các giá trị nguyên vật liệu đã tiêu hao vào các đối tượng sử dụng.

- Tham gia kiểm kê và đánh giá nguyên vật liệu theo chế độ quy định. Lập các bản báo cáo về nguyên vật liệu. Phân tích kinh tế tình hình thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu.

II. Tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

1. Chứng từ và sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Để đáp ứng yêu cầu của công tác quản trị doanh nghiệp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phải được thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm, từng thứ vật liệu và phải được tiến hành đồng thời ở kho và phòng kế toán trên cùng một cơ sở kế toán chứng từ.

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định 1141/TC/QĐ/CĐKT ngày 1/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán về vật liệu công cụ dùng cụ gồm:

- Phiếu nhập kho (mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03 – VT)
- Phiếu xuất vận tải theo hạn mức (mẫu 04 – KT)

- Biên bản kiểm nghiệm (mẫu 05 – VT)
- Thuê kho (mẫu 06 – VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm hàng hoá (mẫu 08 – VT)
- Hoá đơn kiểm phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
- Hoá đơn cước vận chuyên (mẫu 03 – VT)

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định nhà nước trong các doanh nghiệp có thể sử dụng các chứng từ kê khai chung những các chứng từ khác tùy thuộc tình hình đặc điểm của từng doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế, hình thức sở hữu khác nhau.

Đối với các chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc phải kịp thời đầy đủ theo đúng quy định về mẫu, nội dung và phương pháp. Tùy thuộc vào phương pháp, kế toán chi tiết áp dụng trong doanh nghiệp mà sử dụng các sổ chi tiết sau:

- Sổ (thẻ, kho)
- Sổ (thẻ, kế toán chi tiết nguyên vật liệu)
- Sổ đối chiếu luân chuyển.

.....

Sổ (thẻ) kho (mẫu 06 – VT) được sử dụng để theo dõi số lượng nhập, xuất, tồn từng thứ vật liệu theo từng kho. Thẻ kho do phòng kế toán lập và ghi các chỉ tiêu: tên nhiên liệu, quy cách, đơn vị tính... Sau đó gửi cho thủ kho để hạch toán nghiệp vụ ở kho, không phân biệt kế toán chi tiết theo phương pháp nào.

Các sổ thẻ kế toán chi tiết vật liệu, sổ đối chiếu luân chuyển, sổ dư vật liệu được sử dụng để phản ánh nghiệp vụ nhập xuất, tồn kho vật liệu về mặt giá trị tùy thuộc vào phương pháp kế toán chi tiết áp dụng trong doanh nghiệp. Ngoài các sổ kế toán chi tiết còn có thêm các bảng kê nhập, bảng kê xuất bảng kê lũy kế, tổng hợp nhập – xuất tồn kho vật liệu, phục vụ cho việc ghi sổ kế toán được đơn giản, nhanh chóng và kịp thời.

2. Các phương pháp kế toán chi tiết vật liệu

Vật liệu dùng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thường bao gồm nhiều chủng loại khác nhau, nếu thiếu một chủng loại nào đó có thể gây ngừng sản xuất. Chính vì vậy hạch toán vật liệu phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của từng chủng loại vật liệu. Đây là công tác phức tạp và khó khăn đòi hỏi phải thực hiện kế toán chi tiết vật liệu hạch toán chi tiết vật liệu là theo dõi ghi chép thường xuyên liên tục sự biến động nhập xuất tồn kho của từng loại vật liệu sử dụng tổng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp về số lượng (hiện vật, và giá trị...)

Trong công tác kế toán hiện nay ở nước ta nói chung và ở các nước công nghiệp nói riêng đang áp dụng một trong ba phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu sau: phương pháp thẻ song song, phương pháp số đối chiếu luân chuyển, phương pháp sổ dư.

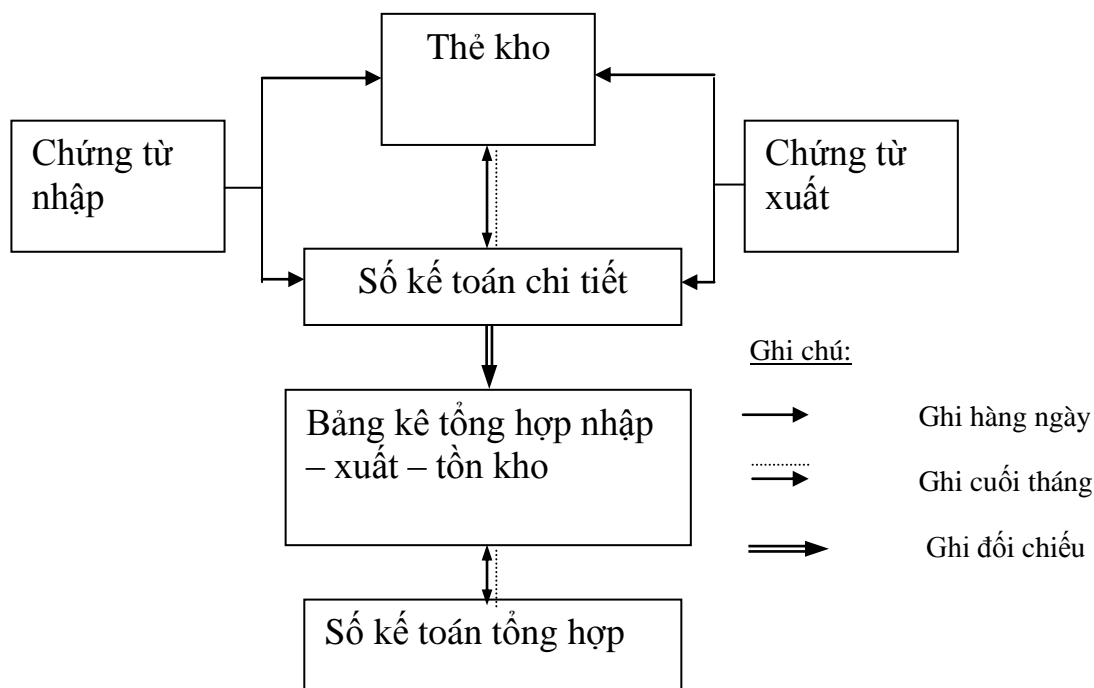
2.1 Phương pháp thẻ song song.

- Tại kho: việc ghi chép tình nhập – xuất – tồn kho hàng ngày do thủ kho tiến hành trên thẻ kho và chỉ ghi về một số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất vật liệu thủ kho phải tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi sổ sổ dư thực nhập thực xuất chứng từ và thẻ kho. Định kỳ thủ kho chuyển (hoặc kế toán xuống kho nhận) các chứng từ nhập xuất đã được phân loại theo từng thứ vật liệu cho phòng kế toán.

- Tại phòng kế toán: kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Về cơ bản sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu có kết cấu giống như thẻ kho nhưng có thêm các cột để ghi chép theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị cuối tháng kế toán sổ chi tiết vật liệu và kiểm tra đối chiếu với thẻ kho ngoài ra để có số liệu đối chiếu kiểm tra với kế toán tổng hợp cần phải tổng hợp số liệu chi tiết từ các sổ chi tiết vào các

bảng tổng hợp. Có thể khái quát trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo sơ đồ sau:

Sơ đồ kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song.



*** Ưu nhược điểm, phạm vi áp dụng**

+ **Ưu điểm:** ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu.

+ **Nhược điểm:** việc ghi chép giữa thủ kho và phòng kế toán còn trung lập các chỉ tiêu về số lượng. Ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu chi tiết các yếu tố tiến hành vào cuối tháng, do vậy hạn chế chức năng kịp thời của kế toán.

+ **Phạm vi áp dụng:** Thích hợp với các doanh nghiệp ít chủng loại vật liệu khối lượng các nghiệp vụ (chứng từ) nhập xuất ít, không thường xuyên và nghiệp vụ của kế toán chuyên môn còn hạn chế.

2.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

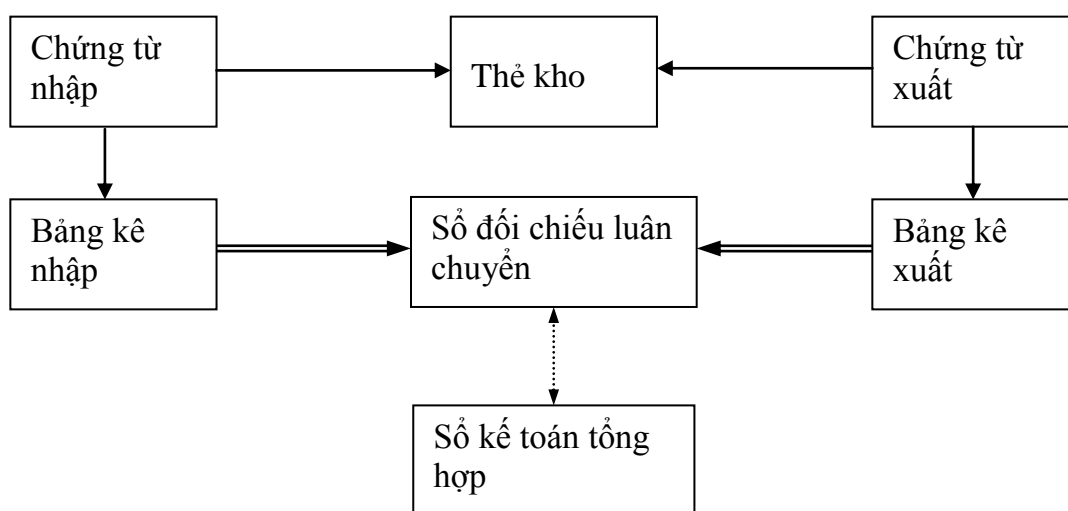
- **Tại kho:** việc ghi chép của kho cũng được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp song song.

- **Tại phòng kế toán:** kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất - tồn kho của từng thứ vật liệu, ở từng kho dùng cho cả năm nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi đối chiếu

luân chuyên, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất, trên cơ sở các chứng từ nhập xuất mà theo định kỳ thủ kho gửi lên Sổ đối chiếu luân chuyên cũng được theo dõi cả về chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyên với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

Sơ đồ kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyên

+ **Ưu điểm:** khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi



một lần vào cuối tháng.

+ **Nhược điểm:** việc ghi sổ kế toán trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật, việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán cũng chỉ tiến hành vào cuối tháng nên công tác kiểm tra bị hạn chế.

+ **Phạm vi áp dụng:** áp dụng thích hợp cho các doanh nghiệp sản xuất có không nhiều nghiệp vụ nhập – xuất; không bố trí riêng nhân viên kế toán vật liệu, do vậy không có điều kiện ghi chép theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.

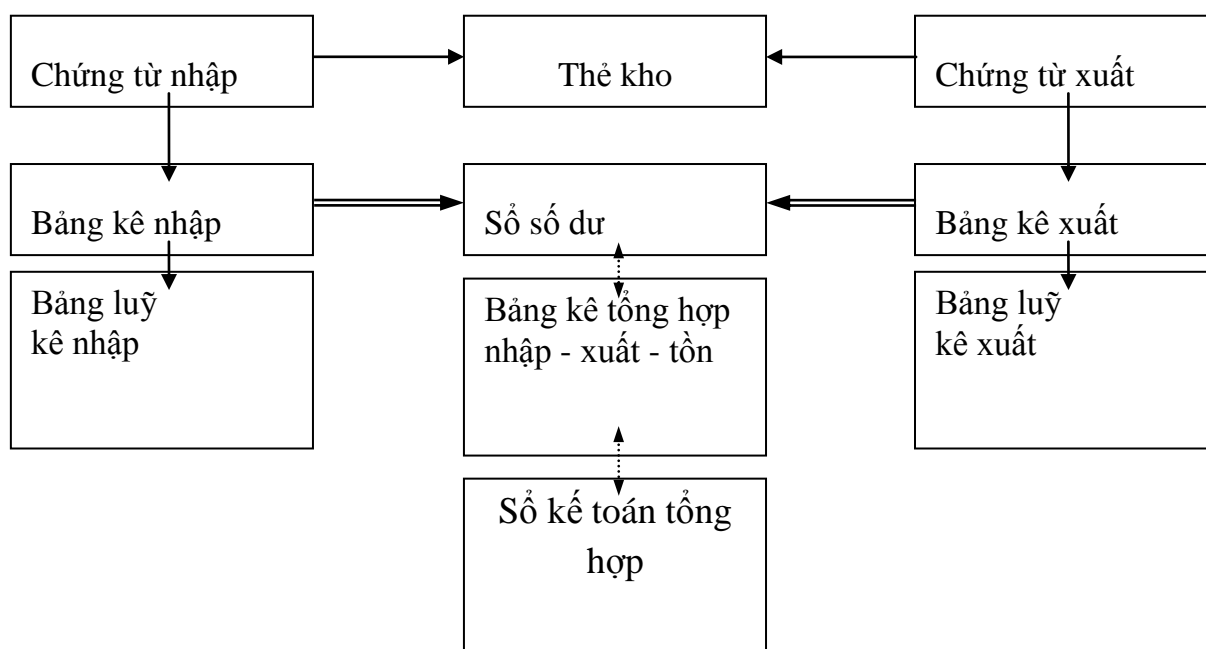
2.3. Phương pháp sổ dư.

- Tại kho: thủ kho cũng dùng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập – xuất tồn kho cuối tháng phải ghi số tồn kho đã tính trên thẻ kho sang sổ số dư vào cột lượng.

- Tại phòng kế toán: kế toán mở sổ theo dõi từng kho chung cho các loại vật liệu để ghi chép tình hình nhập – xuất từ bảng kê nhập, bảng kê xuất kế toán

lập bảng lũy kế nhập, lũy kế xuất rồi từ bảng lũy kế lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn kho theo từng nhóm, loại vật liệu theo chỉ tiêu giá trị cuối tháng khi nhận số số dư do thủ kho gửi lên kế toán căn cứ vào số tồn kho cuối tháng do thủ kho tính và ghi số số dư đóng sổ hạch toán tính ra giá trị tồn kho để ghi vào cột số tiền trên sổ số dư và việc kiểm tra đối chiếu căn cứ vào cột số tiền tồn kho trên sổ số dư và bảng kê tổng hợp nhập - xuất - tồn (cột số tiền) và số liệu kế toán tổng hợp

Sơ đồ hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ số dư



+ **Ưu điểm:** tránh được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán giảm bớt khối lượng ghi chép kế toán, công việc được tiến hành đều trong tháng.

+ **Nhược điểm:** do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị, nên muốn biết số hiện có và tình hình tăng giảm của từng loại vật liệu về mặt hiện vật thì phải xem số liệu trên thẻ kho hơn nữa việc kiểm tra phát hiện sai sót giữa kho và phòng kế toán khó khăn.

+ **Phạm vi áp dụng:** thích hợp cho các doanh nghiệp sản xuất có khối lượng công tác nghiệp vụ nhập, xuất (chứng từ nhập- xuất) nhiều, thường xuyên nhiều chủng loại vật liệu và với điều kiện doanh nghiệp sử dụng giá

hạch toán để hạch toán nhập- xuất đã xây dựng hệ thống danh điểm vật liệu trình độ chuyên môn nghiệp vụ của kế toán vững vàng.

III. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là tài sản lưu động của doanh nghiệp, nó được nhập – xuất kho thường xuyên, tuy nhiên tùy theo đặc điểm của từng doanh nghiệp có các phương pháp kiểm kê vật liệu khác nhau. Có doanh nghiệp chỉ kiểm kê vật liệu một lần trong kỳ bằng cách cân đo, đong, đếm vật liệu tồn kho cuối kỳ ngược lại cũng có doanh nghiệp kiểm kê từng nghiệp vụ nhập xuất vật liệu.

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi phản ánh thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình nhập xuất tồn kho vật liệu trên cơ sở kế toán. Phương pháp kê khai thường xuyên dùng cho các tài khoản kế toán tồn kho nói chung và các tài khoản vật liệu nói riêng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng giảm của vật hàng hoá. Vì vậy, nguyên vật liệu tồn kho trên sổ kế toán được xác định bất cứ lúc nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế vật liệu tồn kho so sánh đối chiếu với số liệu tồn kho trên sổ kế toán, nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên thường được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất và các đơn vị thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không thực sự thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất tồn kho trên tài khoản kế toán mà chỉ theo dõi, phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và giá trị tồn kho cuối kỳ căn cứ vào số liệu kiểm kê định kỳ trong kho. Việc xác định giá trị nguyên vật liệu xuất chung trên các tài khoản kế toán tổng hợp không căn cứ vào các chứng từ nhập xuất kho mà căn cứ vào giá trị tồn kho cuối kỳ mua nhập trong kỳ, kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính. Chính vì vậy trên tài khoản tổng hợp (tài khoản 611) không thể hiện rõ giá trị vật liệu xuất dùng cho từng đối tượng cho từng nhu cầu sản xuất khác nhau và không thể hiện được số mất mát hư hỏng. Phương pháp kiểm kê định kỳ

được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất có quy mô nhỏ ít chủng loại vật tư với quy cách mẫu mã rất khác nhau giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

1. Thủ tục chứng từ

1.1 Thủ tục chứng từ cần thiết trong nghiệp vụ thu mua và nhập kho vật liệu.

Trong nghiệp vụ thu mua và nhập kho vật liệu doanh nghiệp cần hai loại chứng từ bắt buộc là hoá đơn bán hàng (hoá đơn kiêm phiếu xuất kho) và phiếu nhập kho. Hoá đơn bán hàng (hoá đơn kiêm phiếu xuất kho) do người bán hàng lập, ghi rõ số lượng từng loại hàng hoá, đơn giá và số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán. Khi áp dụng thuế giá trị gia tăng thì trên hoá đơn do người bán lập vừa bao gồm phần mua vật liệu hàng hoá vừa bao gồm cả thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp doanh nghiệp thu mua vật liệu từ thị trường tự do thì doanh nghiệp phải có phiếu mua hàng thay thế cho hoá đơn bán hàng.

Phiếu nhập kho do bộ phận mua hàng lập và ghi số lượng theo hoá đơn hoặc phiếu mua hàng, thủ kho thực hiện nghiệp vụ nhập kho và ghi số thực nhập vào sổ nhập kho. Như vậy phiếu nhập kho là chứng từ phản ánh nghiệp vụ nhập kho đã hoàn thành. Ngoài ra trong trường hợp nhập kho với số lượng các loại vật tư có tính chất lý hoá phức tạp, các loại vật tư quý hiếm hay trong quá trình nhập kho phát hiện sự khác biệt về số lượng giữa hoá đơn và thực nhập thì doanh nghiệp thành lập ban kiểm nghiệm vật tư để kiểm nghiệm vật tư trước lúc nhập kho và lập biên bản kiểm nghiệm.

1.2 Thủ tục chứng từ cần thiết trong nghiệp vụ xuất kho vật liệu.

Với doanh nghiệp sử dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên thì khi xuất kho vật liệu phải lập phiếu xuất kho hoặc phiếu xuất vật tư theo hạn mức... Sau khi xuất kho, thủ kho ghi số lượng thực nhập và cùng người ký nhận vào phiếu xuất kho.

Phiếu xuất vật tư theo hạn mức được lập trong trường hợp doanh nghiệp sản xuất ổn định và đã lập được định mức tiêu hao vật tư cho một đơn vị sản phẩm. Số lượng nhập xuất trong tháng do thủ kho căn cứ vào hạn mức.

2. Hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

2.1 Tài khoản sử dụng

Để hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên kế toán sử dụng các tài khoản 152, 154, 621, 627, 641, 642, 412...

- Tài khoản 152: nguyên liệu, vật liệu.

Tài khoản dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế có thể mở chi tiết cho từng loại từng nhóm, thứ vật liệu là theo yêu cầu quản lý và phương tiện tính toán.

+ Bên nợ: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm tăng nguyên nhân vật liệu trong kỳ (mua ngoài, tự sản xuất, nhận vốn góp, phát hiện thừa, đánh giá tăng).

Phản ánh giá trị thực tế vật liệu nhập kho trong kỳ.

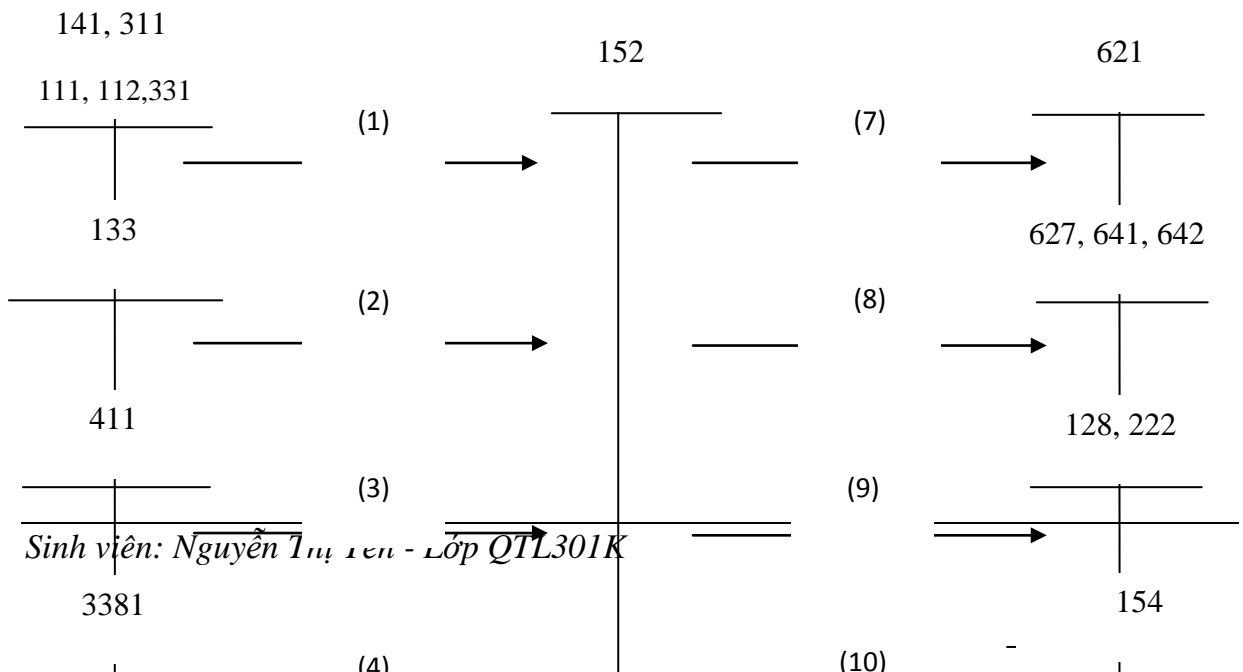
+ Bên có: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm giảm nguyên vật liệu trong kỳ (xuất dùng, xuất bán, xuất góp vốn liên doanh, thiếu hụt, giảm giá được hưởng)

Phản ánh giá trị thực tế vật liệu xuất kho trong kỳ.

+ Dư nợ: giá thực tế của vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ bên cạnh đó kế toán nguyên vật liệu còn sử dụng các tài khoản 151, 131, 112, 331.

2.2 Trình tự hạch toán:

Sơ đồ kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



- Diễn giải:
- (1) tăng do mua ngoài
 - (2) Thuế GTGT đầu vào khi mua hàng
 - (3) nhận cấp phát, tặng thưởng, vốn góp liên doanh
 - (4) thừa phát hiện kiểm kê
 - (5) Nhận lại vốn góp liên doanh
 - (6) Đánh giá tăng
 - (7) xuất để chế tạo sản phẩm
 - (8) xuất cho chi phí sản xuất chung bán hàng, quản lý xây dựng

CB

- (9) xuất vốn góp liên doanh
- (10) xuất thuê ngoài gia công chế biến
- (11) thiếu phát hiện qua kiểm kê
- (12) đánh giá giảm

3. Hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

3.1 Tài khoản sử dụng

Để hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ kế toán sử dụng các tài khoản sau:

Tài khoản 611 mua hàng.

Nội dung kết cấu

Bên nợ: - Giá trị thực tế hàng hoá, nguyên vật liệu tồn đầu kỳ.

- Giá trị thực tế hàng hoá, nguyên vật liệu mua vào đk

Bên có: - Giá trị thực tế hàng hoá, nguyên vật liệu tồn cuối kỳ.

- Giá trị vật tư hàng hoá, trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

- Giá trị thực tế nguyên vật liệu sản xuất trong kỳ

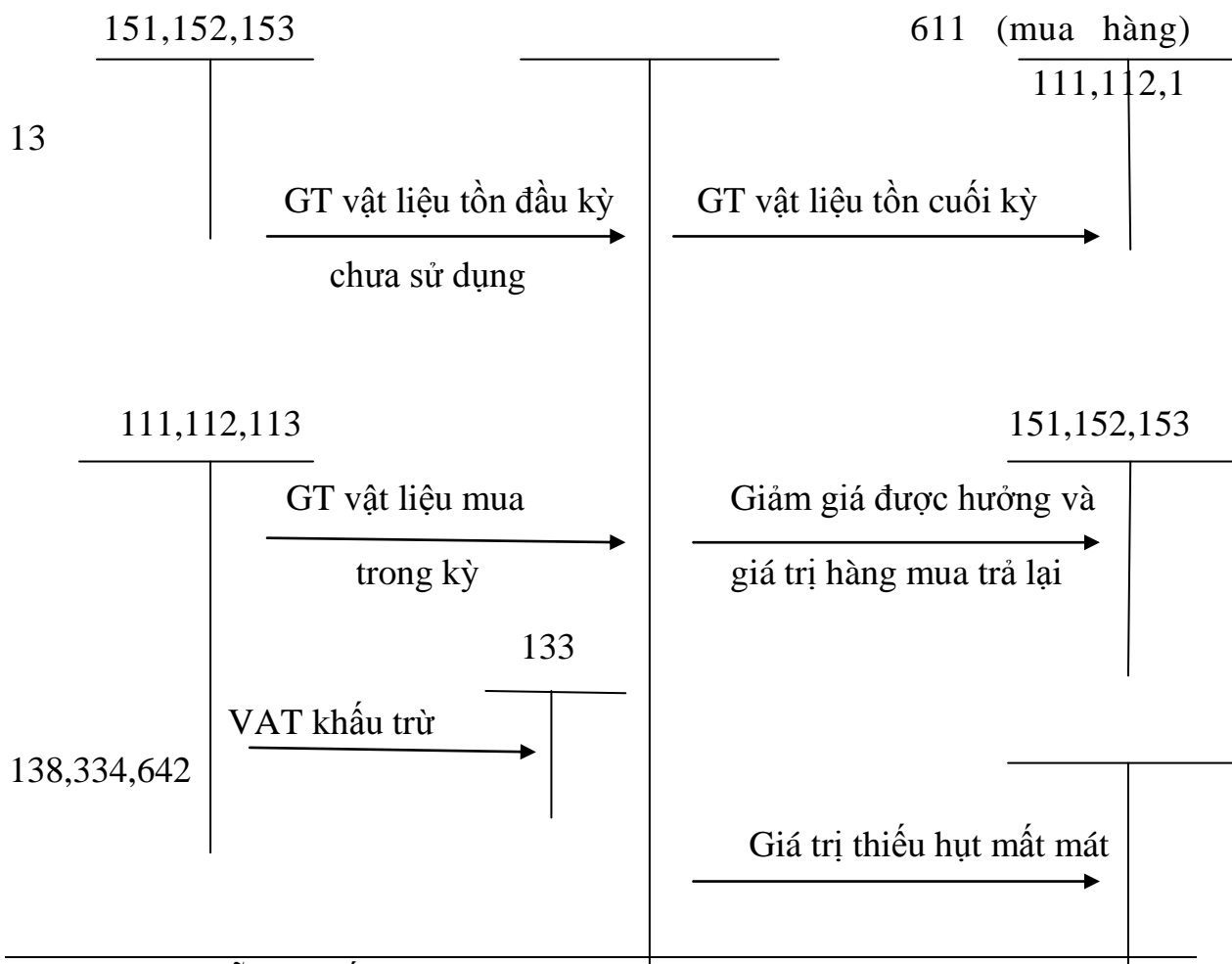
Tài khoản này cuối kỳ không có số dư và được mở chi tiết cho hai tài khoản cấp 2 sau:

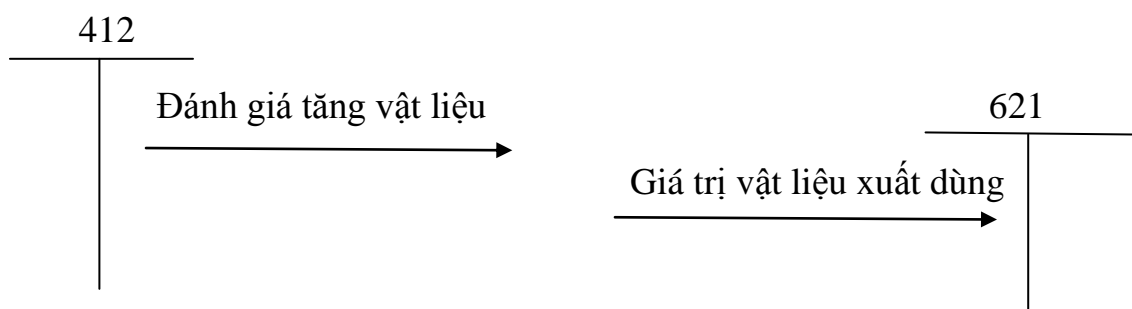
TK6111: Mua nguyên vật liệu

TK 6112: Mua hàng hoá.

3.2 Trình tự hạch toán

Sơ đồ kế toán vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ:





CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NVL TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI.

I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

1. Khái quát chung về công ty:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần May Hai
- Tên giao dịch: May Hai joint stock company
- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần
- Vốn điều lệ: 9.800.000.000 (chín tỷ tám trăm triệu đồng Việt Nam)
- Số lượng cổ phần: Công ty được phép có tổng cộng 98.000 Cổ phần
- Người đại diện: Bà Trần Thị Sinh Duyên – TGD Công ty
- Địa chỉ: 216- Trần Thành Ngọ - Kiến An - Hải Phòng
- Điện thoại: 84-31- 876096/877625
- Fax: 84-31- 876112
- Email: lienhe@Mayhai.com.vn

2. Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần May Hai được thành lập ngày 06/10/1986 với tên ban đầu là xí nghiệp may xuất khẩu số 2 Hải Phòng trên cơ sở phân xưởng may

nội địa thuộc sở thương nghiệp bàn giao. Từ tháng 03/1987, Công ty bắt đầu bước vào thực hiện sản xuất hàng xuất khẩu. Từ năm 1995 đến nay thị phần của Công ty mở rộng ra các nước EU, đó là Đức, Anh,và một số như Hàn Quốc, Nhật, tốc độ phát triển nhanh chóng cả về kim ngạch xuất khẩu lẫn giá trị sản xuất, đặc biệt sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao. Đến cuối năm 2001 Công ty tiếp nhận một công ty may Hải Phòng tại 72 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng. Với hơn 500 CNV, sản phẩm chủ yếu của Công ty giai đoạn này là áo sơ mi, quần âu, áo jacket và một số hàng dệt kim. Tháng 07/2005 Công ty đã tiến hành cổ phần hoá chính thức Công ty. Và đổi tên thành Công ty cổ phần May Hai.

Công ty là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu đầu tiên của Hải Phòng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Đặc biệt sản phẩm của Công ty đã được nhiều người tiêu dùng trong nước tin tưởng và chiếm giữ một phần thị trường nội địa.

3. Thuận lợi, khó khăn và những thành tích cơ bản mà công ty đã đạt được trong những năm gần đây.

3.1. Những thuận lợi để Công ty phát triển sản xuất kinh doanh:

Thị trường may mặc là một thị trường vô cùng rộng lớn cả ở trong nước cũng như trên thế giới. Nhu cầu của thị trường này phong phú và đa dạng. Do thu nhập của tất cả các khu vực trên thế giới đều tăng, mức sống không ngừng được cải thiện do vậy chi tiêu cho may mặc cũng không ngừng tăng lên trong tổng chi tiêu cho tiêu dùng cá nhân.

Hơn nữa, đối với nền kinh tế nước ta hiện nay thì dệt may chính là một trong những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao và tương đối ổn định vì vậy mà nhà nước cũng đã có những chính sách quan tâm hỗ trợ hợp lý đối với các doanh nghiệp xuất khẩu nói chung và trong đó có ngành may nói riêng.

Gần đây Công ty đã chủ trương ứng dụng giải pháp Opitex-ứng dụng tin học cho ngành may về cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ cho cán bộ, kỹ

thuật viên thiết kế trong doanh nghiệp, nhờ vậy năng xuất cũng như hiệu quả làm việc được tăng cao rõ rệt.

Ngoài ra ngành dệt may còn có những ưu thế: thị trường lao động dồi dào, giá lao động rẻ. giao thông thuận lợi có tác dụng thúc đẩy cho hoạt động xuất nhập khẩu, giao dịch với khách hàng quốc tế.

Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO, đây là điều kiện rất tốt để doanh nghiệp có cơ hội mở rộng thị trường, thâm nhập vào những thị trường mới tiềm năng trên thế giới.

Theo hiệp hội dệt may Việt Nam (Vitas), Việt Nam được đánh giá là một trong những nước xuất khẩu hàng dệt may lớn trên thế giới, cụ thể: Việt Nam là nước xuất khẩu lớn thứ hai sang Nhật Bản sau Trung Quốc, đứng thứ 7 trong số những nước xuất khẩu hàng dệt may vào Mỹ và đứng thứ 16 trong số các nước xuất khẩu hàng dệt may vào EU.

Tất cả các ưu thế đó cùng với sự nỗ lực của doanh nghiệp nhằm phục vụ, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, chúng ta có thể dự đoán rằng thị trường may mặc trong thời gian tới sẽ phát triển mạnh mẽ.

3.2 Những khó khăn của Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh

Thị trường may mặc tuy rộng lớn nhưng sự cạnh tranh diễn ra cũng rất khốc liệt bởi các khách hàng lớn đầu tư trực tiếp tại Việt Nam thu hút nguồn nhân lực có trình độ quản lý và tay nghề cao của các doanh nghiệp trong nước. Riêng thị trường trong nước đã có trên 800 doanh nghiệp may mặc với những tên tuổi có uy tín như: Công ty May 10, may Thăng Long, may Việt Tiến... Đặc biệt những năm gần đây mặt hàng dệt may của Trung Quốc đã đổ xô ồ ạt vào thị trường Việt Nam với những ưu điểm: giá rẻ, chủng loại phong phú phù hợp với đa số tầng lớp nhân dân Việt Nam.

Thêm vào đó ngành dệt may Việt Nam cũng còn có những hạn chế chung: Lực lượng lao động tuy đông nhưng phần lớn là trình độ chuyên môn không

cao, khi tuyển dụng phải mất công đào tạo lại. Trình độ khoa học công nghệ chưa thể bằng những nước có ngành công nghiệp may phát triển như Trung Quốc, Hồng Kông... Nguồn nguyên liệu trong nước còn nhiều hạn chế, chủ yếu vẫn phải nhập từ phía khách hàng .

Ngoài những khó khăn trên, trước mắt Công ty sẽ còn nhiều việc phải làm: đầu tư trang thiết bị mới hiện đại, đào tạo nâng cao trình độ tay nghề nguồn nhân lực, có biện pháp nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới để từng bước mở rộng thị trường trên cơ sở giữ vững và phát triển thị trường sẵn có. Có như vậy Công ty mới có thể đạt được những bước tiến mạnh mẽ và vững chắc góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế đất nước.

3.3. Những thành tích cơ bản doanh nghiệp đã đạt được:

Các giải thưởng mà doanh nghiệp đã đạt được trong những năm gần đây:

_ Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2004,2005,2006 do Bộ thương mại bình chọn.

_ Giấy chứng nhận đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao (năm 2006 và 2007- Báo Sài Gòn tiếp thị)

_ Bằng khen của Bộ thương mại: “Đã có thành tích trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh, là doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt – May VN năm 2006”

_ Bằng khen của UBND thành phố Hải Phòng “ Đã có thành tích sản xuất”, “ Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp và hoạt động có hiệu quả”.

Bảng 1.1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH VỀ HĐ SXKD CỦA CÔNG TY TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2009 -2010

(Theo số báo cáo của đơn vị)

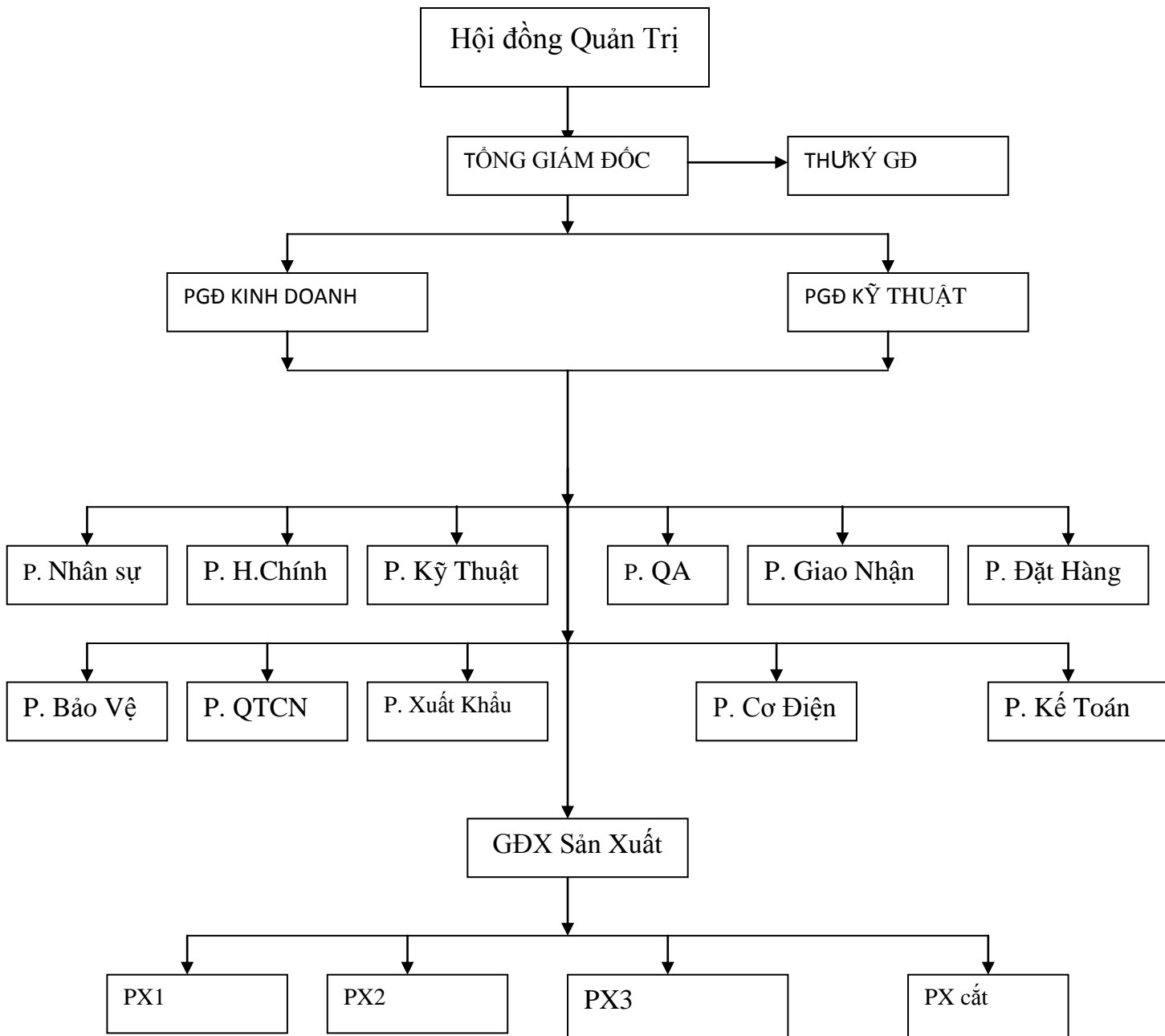
| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 |
|-----------------------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Doanh thu | 1000đ | 82.317.290 | 94.123.298 | 66.482.701 |
| Giá vốn hàng bán | 1000đ | 77.370.457 | 89.097.757 | 61.217.569 |
| Lợi nhuận trước thuế | 1000đ | 2.002.726 | 1.852.585 | 2.148.700 |
| Thuế TNDN | 1000đ | 500.681 | 231.570 | 268.587 |
| Lợi nhuận sau thuế | 1000đ | 1.502.045 | 1.621.015 | 1.880.113 |
| Thu nhập BQ đầu người | 1000đ | 1.300.000 | 1.600.000 | 1.500.000 |

4. Bộ máy tổ chức của công ty Cổ phần May Hai.

4.1. Mô hình bộ máy tổ chức quản lý của công ty

Qua nhiều năm hoạt động và qua nhiều năm thay đổi, sắp xếp lại công ty thì hiện nay bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến-chức năng. Theo mô hình này, bộ máy tổ chức quản lý của công ty trở nên gọn nhẹ mà vẫn đảm bảo được chế độ một thủ trưởng.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức



➤ Chức năng nhiệm vụ từng bộ phận:

Hội đồng quản trị: Là bộ phận đứng đầu trong công ty đề ra những kế hoạch để phát triển chiến lược sản xuất kinh doanh, bộ phận quyết định mọi kế hoạch ở hiện tại cũng như ở tương lai nhằm đưa doanh nghiệp phát triển hơn.

Tổng giám đốc: đứng đầu Ban giám đốc công ty, là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc sẽ điều hành trực tiếp toàn bộ Công ty thông qua GD Sản xuất, PGĐ kinh doanh và PGĐ kỹ thuật.

Phòng Xuất khẩu: sẽ chuyển đơn đặt hàng theo yêu cầu của khách hàng và phiên dịch tài liệu cho các phòng ban liên quan.

Phòng Nhân sự: Nghiên cứu hoạch định tài nguyên Nhân sự, tuyển dụng đào tạo, bố trí sắp xếp nguồn nhân lực. Tổng hợp lương chế độ BH, an toàn lao động....

Phòng Hành chính: Tiếp nhận phát hành, phân phối và lưu trữ tài liệu, quản lý máy điện thoại, fax, phô tô, in.... Tiếp khách làm thủ tục cho việc hoạt động SXKD.

Phòng Kế toán: Thu nhận chứng từ kế toán, quản lý thu, chi công nợ. Quản lý giữ gìn tiền mặt tại quỹ và Ngân Hàng. Lập báo cáo tài chính, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện các quy định về quản lý TS, NV của đơn vị.

Phòng Đặt hàng: Cân đối NPL quyết toán với khách hàng, tìm kiếm nhà cung cấp, đặt mua NPL cho quá trình SX của Công ty, bảo quản NPL dùng cho sản xuất.

Phòng Giao nhận: Giao hàng xuất khẩu, quyết toán, NPL với hải quan. Lập bộ chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu. Tổ chức vận chuyển và giao nhận hàng hoá.

Phòng Đầu tư: Lập các dự án đầu tư, thiết bị máy móc, nhà xưởng, công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng, phương tiện vận tải. Giám sát chất lượng, tiến độ đầu tư. Xây dựng và quản lý tài sản, bảo dưỡng nhà xưởng, vật kiến trúc,

giám sát bảo dưỡng các loại tài sản. Mua sắm công cụ, dụng cụ, phụ tùng, nhiên liệu, điện nước... Quản lý điều hành mạng máy tính, thông tin liên lạc.

Phòng QA(quản lý chất lượng): Tổ chức đánh giá chất lượng nội bộ, hệ thống ISO2001. Kiểm tra việc thực hiện của Nhân viên KCS, kiểm tra sản phẩm trước khi giao chuyển hàng; kiểm tra mẫu trước khi chuyển tới khách hàng. Lập hồ sơ yêu cầu của các tổ chức đánh giá và Hải quan.

Phòng Bảo vệ: Tuần tra canh gác và bảo vệ tài sản chung. Kiểm soát con người, tài sản, giữ trật tự an ninh. Phòng chống cháy nổ, công tác triển khai quân sự địa phương.

Phòng Kỹ thuật: Kiểm tra, thử nghiệm chất lượng nguyên phụ liệu, vật liệu bao bì. Thiết lập tài liệu kỹ thuật, tạo và kiểm tra mẫu rập. Giác sơ đồ cắt, xác định định mức tiêu hao nguyên phụ liệu. Duyệt mẫu, triển khai kỹ thuật sản xuất, phối hợp kiểm tra với Kỹ thuật xưởng đảm bảo cho quy trình may hoàn chỉnh.

Phòng Công nghệ: Xây dựng quy trình công nghệ may sản phẩm, định mức công việc và đơn giá tiền lương. May mẫu, thử nghiệm mẫu trước khi may đồng bộ. Kiểm tra việc thực hiện các quy trình công nghệ.

Phòng Cơ điện: Lập kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng thiết bị lớn; vận hành thiết bị máy móc; cung cấp điện, nước, hơi, bình nén, dụng cụ, phương tiện phục vụ cho sản xuất.

Phân xưởng May: Tổ chức sản xuất các công đoạn may, là, gấp, đóng gói. Kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi xuất hàng; tính lương sản phẩm.

Phân xưởng Cắt: Tổ chức sản xuất các công đoạn trải vải, cắt, lấy dầu, đánh số, ép méch, kiểm tra chất lượng bán sản phẩm, tính lương sản phẩm.

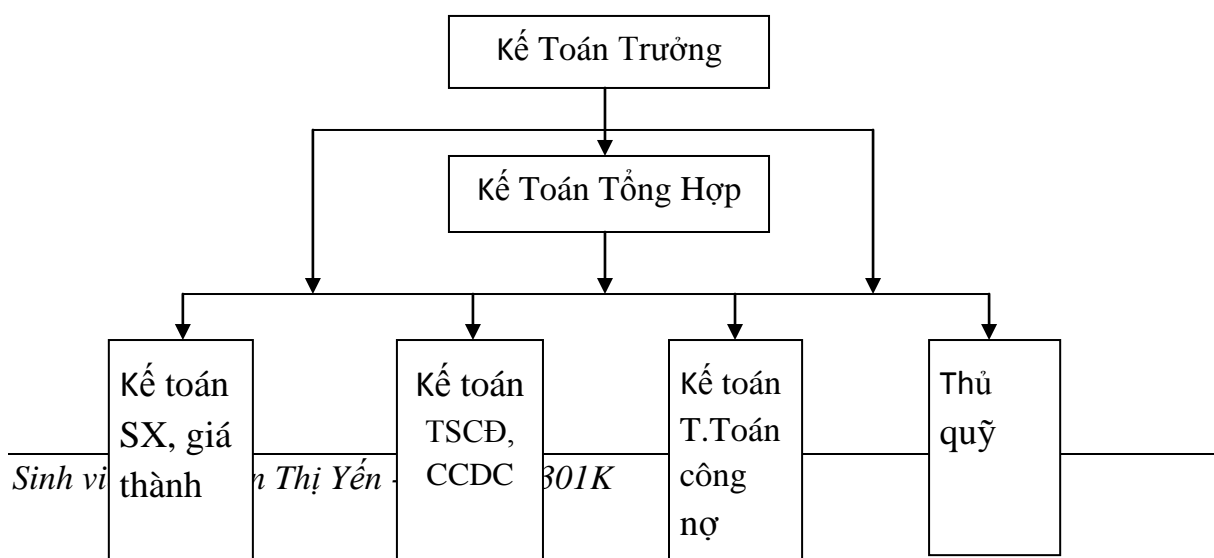
5. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán.

5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty:

Việc tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ hạch toán kế toán trong doanh nghiệp do bộ máy kế toán đảm nhiệm. Tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán sao cho hợp lý, gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin kịp thời, chính xác và hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin, đồng thời phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán. Để đảm bảo các yêu cầu trên, tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp phải căn cứ vào hình thức tổ chức công tác kế toán, vào đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; vào khối lượng, tính chất và mức độ phức tạp của các nghiệp vụ kinh tế - tài chính; cũng như trình độ quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ quản lý và cán bộ kế toán.

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức kế toán tập trung. Toàn bộ công tác kế toán tập trung trong phòng kế toán của công ty. Việc lựa chọn hình thức kế toán này là phù hợp với đặc điểm tổ chức kinh doanh tổ chức quản lý và quy mô của công ty.

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần May Hai



5.2. Chức năng, nhiệm vụ của các phần hành kế toán :

- Kế toán trưởng: có nhiệm vụ quản lý tài chính và các tài khoản Công ty, tổ chức điều hành công tác kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm giám sát tài chính và phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Công ty.

- Kế toán tổng hợp : có nhiệm vụ tổng hợp các chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh và lập các báo cáo tài chính và kiêm thủ quỹ quản lý tiền mặt của Công ty.

- Kế toán sản xuất chịu trách nhiệm cập nhật, theo dõi và quản lý số liệu dựa trên cơ sở dữ liệu sau: Hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán thiết kế; Kế hoạch tiến độ sản xuất; Dự trữ vật tư, nhân lực, phục vụ sản xuất; Phiếu nhập kho vật tư,...

- Kế toán giá thành sản xuất : Nguyên tắc của việc tính giá thành là phải tính chi tiết cho từng sản phẩm, chi tiết riêng biệt. Việc xác định giá thành sản phẩm, giá vốn hàng bán sẽ là căn cứ cho kế toán sản xuất, kế toán thanh toán làm cơ sở để thanh quyết toán hợp đồng.

- Thủ quỹ: có nhiệm vụ theo dõi và quản lý tình hình tăng giảm quỹ tiền mặt, tồn quỹ đầu kỳ và cuối kỳ.

- Kế toán tài sản cố định: có nhiệm vụ phải phản ánh giá trị hiện có, tình hình biến động của các loại TSCĐ .

- Kế toán CCDC : có nhiệm vụ theo dõi tình hình nhập xuất tồn của công cụ dụng cụ và phản ánh các số liệu phát sinh vào sổ chi tiết.

- Kế toán thanh toán công nợ : có chức năng theo dõi và thanh toán các khoản vay, trả nợ, công nợ phát sinh trong kỳ và thực hiện các giao dịch với ngân hàng.

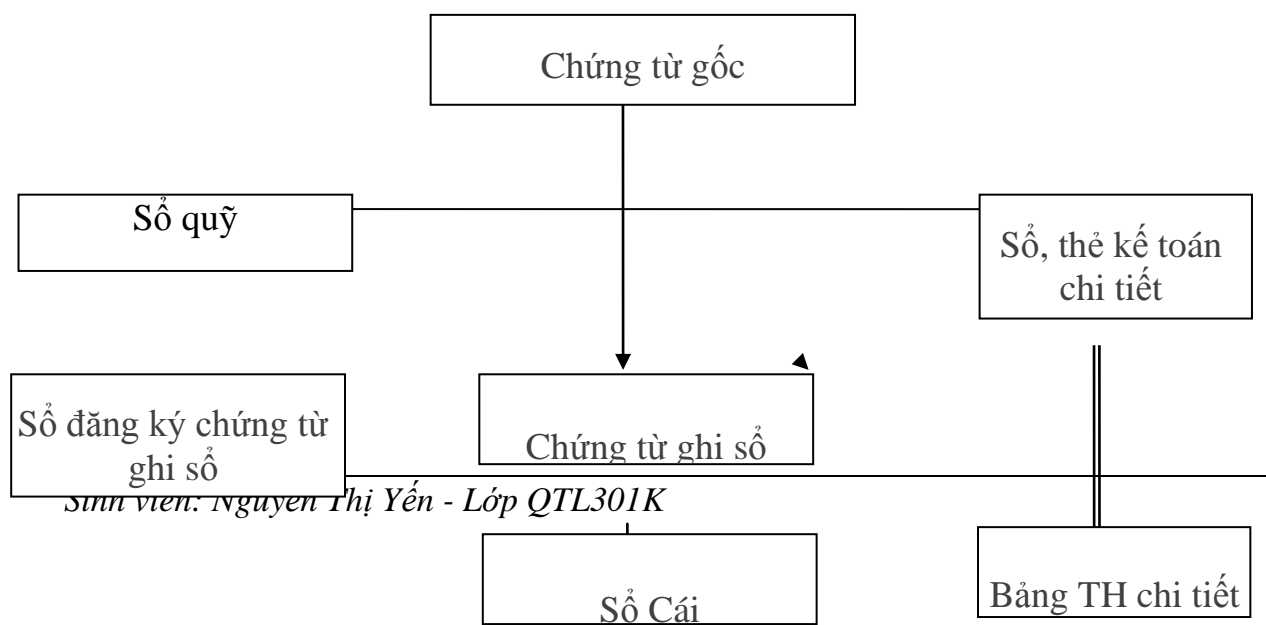
- Kế toán tiền gửi ngân hàng.

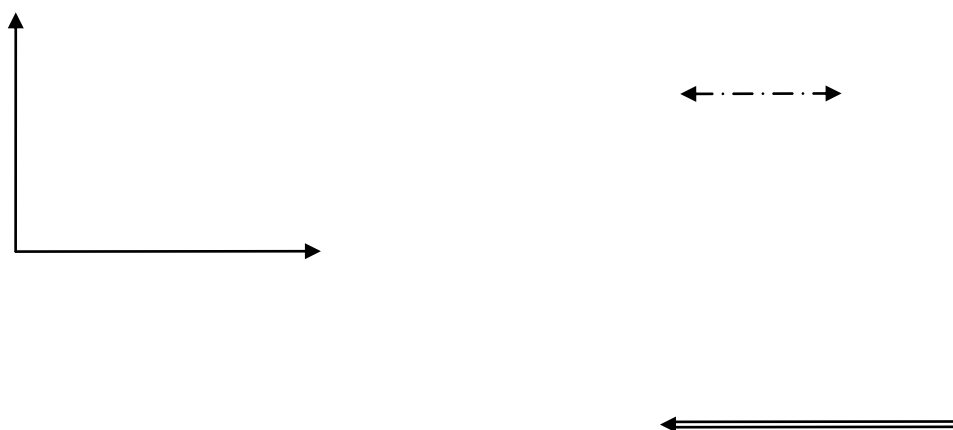
5.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

* Hình thức kế toán áp dụng:

Kế toán sử dụng phần mềm kế toán Cads net 90F 2009 theo hình thức chứng từ ghi sổ, hệ thống hoá và tổng hợp số liệu từ chứng từ gốc theo trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh; căn cứ vào yêu cầu quản lý cũng như điều kiện trang bị phương tiện, kỹ thuật tính toán, xử lý thông tin, công ty cổ phần May Hai đã lựa chọn vận dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ để ghi chép và hệ thống hoá, tổng hợp số liệu kế

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán của hình thức Chứng từ ghi sổ





Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ==→ : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←---→ : Quan hệ đối chiếu

Nội dung trình tự ghi sổ:

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra lập chứng từ ghi sổ. Chứng từ ghi sổ sau khi đã lập xong chuyển cho kế toán trưởng ký duyệt, rồi chuyển cho kế toán tổng hợp đăng ký vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó ghi vào sổ cái và sổ thẻ chi tiết.

Sau khi phản ánh tất cả các chứng từ ghi sổ đã lập trong tháng vào sổ cái, kế toán tiến hành cộng số phát sinh nợ, số phát sinh có và tính số dư cuối tháng của từng tài khoản. Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu trên sổ cái được sử dụng lập bảng cân đối tài khoản.

Đối với các tài khoản phải mở sổ thẻ kế toán chi tiết thì chứng từ kế toán, bảng tổng hợp chứng từ kế toán kèm theo chứng từ ghi sổ là căn cứ để ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết theo yêu cầu của từng tài khoản.

Cuối tháng tiến hành cộng các sổ, thẻ kế toán chi tiết, lấy kết quả lập bảng tổng hợp chi tiết của từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái của từng tài khoản

đó. Các bảng tổng hợp chi tiết sau khi đối chiếu được dung làm căn để lập báo cáo tài chính.

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán theo QĐ số 15/2006 QĐ- BTC của bộ tài chính ban hành.

- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hàng tháng công ty phải nộp tờ khai thuế cho Cục thuế thành phố Hải Phòng.

- Vào cuối năm công ty lập quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của Tổng cục thuế.

- Công ty ghi nhận hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. tính trị giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ , tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

- Hệ thống báo cáo tài chính được Công ty sử dụng hiện nay gồm 4 báo cáo tài chính theo chế độ quy định gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01- DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số 02- DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03- DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09- DN)

II. TỔ CHỨC HẠCH TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY.

1. Đặc điểm vật liệu và phân loại vật liệu.

1.1. Đặc điểm vật liệu.

Do đặc điểm sản xuất của Công ty Cổ phần May Hai là vừa sản xuất hàng gia công xuất khẩu, hàng bán nội địa do vậy mà đặc điểm về nguyên vật liệu của Công ty cũng rất đa dạng. Đối với các hợp đồng gia công thì nguyên vật liệu chủ yếu là do bên gia công gửi sang, chỉ có một phần nhỏ nguyên vật liệu có thể bên đặt gia công nhờ mua hộ. Đối với nguyên vật liệu dùng vào sản xuất hàng bán

nội địa thì Công ty tự mua ngoài (cả trong nước và nhập khẩu ở nước ngoài). Nguyên vật liệu của Công ty Cổ phần May Hai chủ yếu ở dạng: vải các loại, xấp, chỉ may, cúc áo, khoá các loại. Từ đặc điểm nêu trên đòi hỏi ở công tác quản lý bảo quản về mặt chất lượng, chủng loại, hoạch định kế hoạch cung tiêu hợp lý. Đối với công tác hạch toán nguyên vật liệu nhận gia công thì kế toán chỉ theo dõi về mặt số lượng và thực thể còn đối với nguyên vật liệu mua ngoài thì kế toán theo dõi cả mặt lượng và mặt giá trị.

1.2. Phân loại vật liệu.

Từ đặc điểm nêu trên ta thấy vật liệu ở Công ty có một khối lượng khá lớn, nhiều chủng loại, mẫu mã khác nhau. Tuy nhiên, việc phân loại nguyên vật liệu ở công ty còn khá đơn giản như sau:

- Nguyên vật liệu hàng gia công hoặc sản xuất theo đơn đặt hàng: Vật liệu do khách mang đến.

- Nguyên vật liệu thu mua: Do Công ty mua về để sản xuất và Công ty tiến hành phân loại chi tiết như sau:

- + Nguyên vật liệu chính: Là đối tượng lao động chủ yếu, là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm may: vải ngài, vải lót, bông.

- + Vật liệu phụ: gồm tất cả các loại vật liệu không phải là vật liệu chính như chỉ may, chỉ thêu, thẻ bài...cũng như nhiên liệu, phụ tùng thay thế, văn phòng phẩm, bao bì,...

2. Đánh giá vật liệu của công ty.

2.1. Giá thực tế vật liệu nhập kho.

2.1.1. Giá vật liệu nhập kho do bên gia công cung cấp.

Như đã đề cập ở trên, giá thực tế của loại vật liệu hàng gia công xuất khẩu nhập kho chính là chi phí vận chuyển, bốc dỡ từ cảng về đến Công ty.

Ví dụ: Theo hợp đồng gia công số 007/VNM ngày 24/12/2010, công ty nhận gia công quần kaki nam cho hãng Winmark với 15.000 m vải. Chi phí vận chuyển bốc dỡ kho tàng bên bãi số vật liệu này từ cảng về kho xí nghiệp I hết 2.000.000 đồng

2.1.2. Giá thực tế của vật liệu mua ngoài nhập kho.

Trị giá vốn thực tế nhập kho gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc dỡ bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua vật tư trừ đi các khoản chiết khấu thương mại giảm giá hàng mua do không đúng quy cách phẩm chất.

| | | | | | | | | |
|--|---|--------------------------|---|--|---|-------------------------------|---|--|
| Trị giá thực tế NVL mua ngoài nhập kho | = | Giá mua ghi trên hóa đơn | + | Chi phí trực tiếp liên quan đến mua hàng | + | Các khoản thuế không hoàn lại | - | khảo chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán nếu có |
|--|---|--------------------------|---|--|---|-------------------------------|---|--|

Ví dụ 1: Ngày 25/12/2010 công ty mua 480 m vải lót hàng Jerry nhập kho, giá mua ghi trên hoá đơn là 16.000 đồng/m, thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển là 300.000đ.

- Trị giá thực tế của vải lót hàng Jerry nhập kho là:

$$(480 \times 16.000) + 300.000 = 7.980.000 \text{ đ}$$

$$7.980.000$$

- Đơn giá nhập kho = $\frac{7.980.000}{480} = 16.625 \text{ đ/m}$

-Đối với thuế nhập khẩu:

Đối với hàng gia công cho nước ngoài, khi công ty nhận hàng ở cảng thì không phải nộp thuế nhập khẩu, vì đây là hình thức tạm nhập tái xuất.

Khi mua nguyên vật liệu ở bên nước ngoài để tự sản xuất thì công ty phải nộp thuế nhập khẩu. Tại khâu này, công ty phải nộp hai loại thuế là thuế nhập

khẩu và thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu. Thuế nhập khẩu được tính như sau:

| | | | | |
|----------------|---|-------------------------|---|--------------------------|
| Thuế nhập khẩu | = | Giá tính thuế nhập khẩu | + | Thuế suất thuế nhập khẩu |
|----------------|---|-------------------------|---|--------------------------|

Căn cứ vào đó tính ra số thuế GTGT của hàng nhập khẩu:

| | | | | |
|------------------------------|---|--|---|---------------------|
| Thuế GTGT của hàng nhập khẩu | = | (Giá tính thuế + Thuế NK) Nhập khẩu | x | Thuế suất thuế GTGT |
|------------------------------|---|--|---|---------------------|

Trong đó:

| | | | | |
|-------------------------|---|-------------------------|---|---------|
| Giá tính thuế Nhập khẩu | = | Số lượng hàng Nhập khẩu | x | Đơn giá |
|-------------------------|---|-------------------------|---|---------|

Căn cứ vào giấy thông báo của cơ quan hải quan, kế toán kiểm tra tính hợp pháp của thông báo đó để ghi sổ một cách hệ thống như sau:

+Khi nhập khẩu vật liệu kế toán phản ánh giá trị vật tư, hàng hoá nhập khẩu bao gồm tổng số tiền phải thanh toán cho người bán, thuế nhập khẩu phải nộp, chi phí thu mua vận chuyển, ghi:

Nợ TK 152 : Nguyên giá+Thuế NK

Có TK 3333 : Nguyên Giá

Có TK 111, 112, 331,... : Nguyên giá x Thuế suất thuế NK

Thuế GTGT hàng nhập khẩu được hạch toán như sau:

| | | |
|------------|--|---------------------------------|
| Nợ TK 133 | | Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ |
| Có TK 3331 | | |

Ví dụ 2: Trích tờ khai hàng hoá nhập khẩu:

(Tờ khai hải quan số 73638/ NK/ SX/ ngày 29/12/2010)

1. Người nhập khẩu: Công ty Cổ phần May Hai

- 216- Trần Thành Ngọ- Kiến An- Hải Phòng
2. Đơn vị xuất khẩu: Convertec Enterprises CO.,LTD
3. Nước xuất khẩu: Taiwan
4. Cảng, địa điểm xếp hàng: Keelung, taiwan
5. Cảng, địa điểm dỡ hàng: Cảng Hải Phòng
6. Điều kiện giao hàng: CIF
7. Đồng tiền thanh toán:USD
Tỉ giá tính thuế: 20.683
8. Tên hàng: Vải dệt thoi từ xơ tổng hợp
9. Lượng: 19.693,17
10. Đơn vị tính: M2
11. Đơn giá nguyên tệ: 1,803883
12. Trị giá nguyên tệ: 35.524,1746
Trị giá tính thuế: 734.746.503
13. Tổng giá thanh toán: 822.916.083
14. Thuế suất thuế nhập khẩu: 12%
15. Tiền thuế nhập khẩu: 88.169.580 VNĐ
16. Thuế suất thuế GTGT: hàng thuộc loại không chịu thuế GTGT
17. Thuế GTGT phải nộp:
18. Tổng số thuế phải nộp

Căn cứ vào tờ khai hàng hoá nhập khẩu, kế toán định khoản:

| | |
|------------|---------------------|
| Nợ TK 152 | : 822.916.083 VNĐ |
| Có TK 3333 | : 734.746.503 x 12% |
| Có TK 331 | : 734.746.503 |

Vải dệt thoi từ xơ tổng hợp là hàng hóa không chịu thuế GTGT
- Thuế GTGT:

Căn cứ vào nguyên tắc tính thuế GTGT đối với tất cả các doanh nghiệp áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ là phải hạch toán đầy đủ, chính xác

tổng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và tổng số thuế GTGT đầu ra.
Phương pháp hạch toán số thuế GTGT phải nộp như sau:

| | | | | |
|-----------------------|---|---------------------|---|------------------------------------|
| Số thuế GTGT phải nộp | = | Số thuế GTGT đầu ra | - | Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ |
|-----------------------|---|---------------------|---|------------------------------------|

Nếu số thuế GTGT phải nộp là số âm, nghĩa là số thuế GTGT đầu vào lớn hơn số thuế GTGT đầu ra thì doanh nghiệp khấu trừ vào số phải nộp của tháng tiếp theo. Đối với doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu thì được khấu trừ toàn bộ số thuế GTGT đầu vào của số nguyên vật liệu dùng để sản xuất hàng xuất khẩu đó. Đây là mặt rất thuận lợi của công ty.

Cách hạch toán ở khâu này diễn ra như sau:

Căn cứ vào hoá đơn GTGT của bên cung cấp và phiếu nhập kho, kế toán vào bảng kê thuế GTGT theo định khoản:

Nợ TK 152

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

Căn cứ vào bảng kê hoá đơn trên, kế toán lập tờ khai thuế GTGT theo tháng

2.2. Giá thực tế của vật liệu xuất kho.

| | | |
|--------------|---|--|
| Đơn giá thực | = | Giá thực tế tồn đầu kỳ + giá thực tế nhập trong kỳ |
|--------------|---|--|

| | | |
|------------------------------|--|--|
| tế bình quân gia quyền cả kỳ | | Số lượng tồn đầu kỳ + Số lượng nhập trong kỳ |
|------------------------------|--|--|

Đối với vật liệu Công ty nhận gia công thì kế toán chỉ theo dõi về mặt số lượng, không theo dõi về mặt giá trị. Đối với nguyên vật liệu Công ty mua ngoài thì khi xuất kho dùng cho sản xuất Công ty áp dụng phương pháp tính theo đơn giá

bình quân gia quyền cả kỳ:

| | | | | |
|----------------------------|---|-------------------|---|--|
| Trị giá vật liệu xuất dùng | = | Đơn giá bình quân | x | Số lượng từng loại vật liệu xuất dùng trong kỳ |
|----------------------------|---|-------------------|---|--|

Ví dụ: Tình hình nhập, xuất vải Kir trong tháng 12/2010 như sau:

- Tồn đầu kỳ: 0

- Tình hình tăng, giảm trong kỳ:

Ngày 18/12/2010 công ty nhập kho 370 m đơn giá 16.000đ/m.

Ngày 28/12/2010 công ty nhập kho 230 m đơn giá 16.200đ/m

Ngày 29/12/2010 xuất kho 420m vải Kir cho phân xưởng sản xuất.

- Đơn giá thực vải Kir xuất kho là:

$$\frac{(370 \times 16.000) + (230 \times 16.200)}{370 + 230} = 16.076 \text{ đ/m}$$

- Trị giá xuất kho 420m vải Kir là:

$$16.076 \times 420 = 6.751.920 \text{ đ}$$

3. Công tác xây dựng và thực hiện định mức tiêu dùng nguyên vật liệu ở Công ty Cổ phần May Hai.

Việc xây dựng định mức tiêu dùng nguyên vật liệu do phòng kỹ thuật đảm nhận và trực tiếp thực hiện. Phòng kỹ thuật thực hiện kiểm tra, ráp lại định mức

đối với khung định mức của hàng gia công do bên gia công gửi sang. Thực hiện xây dựng định mức cụ thể chi tiết đối với hàng xuất khẩu và hàng bán nội địa. Công tác xây dựng định mức tiêu dùng nguyên vật liệu được tiến hành dựa vào các căn cứ kinh tế, kỹ thuật sau:

- Căn cứ vào định mức của ngành.
- Căn cứ vào thành phần và chủng loại sản phẩm
- Căn cứ vào việc thực hiện định mức của các kỳ trước.
- Tham khảo kinh nghiệm của các công nhân sản xuất tiên tiến.

Dựa vào các căn cứ trên, phòng kỹ thuật tiến hành xây dựng hệ thống định mức tiêu dùng nguyên vật liệu cho phù hợp với thực tiễn sản xuất của Công ty. Với nhiều chủng loại, đơn đặt hàng, mẫu mã sản phẩm khác nhau có thể theo từng sản phẩm hoặc từng đơn đặt hàng Công ty đều có một hệ thống định mức tiêu dùng nguyên vật liệu.

Để tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất một cách chặt chẽ, sau khi phòng kỹ thuật đã lắp ráp và xây dựng xong định mức giám đốc Công ty xem xét và ký duyệt bảng định mức vật tư dùng cho sản xuất.

4. Công tác quản lý Nguyên vật liệu.

Cùng với sự phát triển mạnh của sản xuất và công tác quản lý toàn doanh nghiệp nói chung, công tác quản lý nguyên vật liệu nói riêng đã có nhiều sự tiến bộ kế hoạch sản xuất của Công ty phần lớn phụ thuộc vào khả năng tiêu thụ sản phẩm. Người quản lý căn cứ vào kế hoạch sản xuất để xác định những nhu cầu về nguyên vật liệu cung cấp và dự trữ trong kỳ kinh doanh. Đồng thời, căn cứ vào kế hoạch tài chính và khả năng cung cấp nguồn vật liệu cho Công ty để lập các phương án thu mua nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu của Công ty được thu mua ở nhiều nguồn ở ngoài, và do đặc điểm của Công ty là nhận gia công cho nên có thể nguyên vật liệu do khách hàng mang tới. Do mua từ nhiều nguồn khác nhau cho nên nó ảnh hưởng tới phương thức thanh toán và giá cả thu mua.

Về giá cả của nguyên vật liệu thu mua thì Công ty do đã hiểu được thị trường và với mục tiêu là hạn chế ở mức thấp nhất và nguyên vật liệu phải đạt tiêu chuẩn tốt nhất. Từ đó, giá cả thu mua nguyên vật liệu và các chi phí thu mua có liên quan đều công được Công ty xác định theo phương thức thuận mua vừa bán với nguồn cung cấp nguyên liệu và dịch vụ.

Bên cạnh khâu thu mua, vận chuyển nguyên vật liệu thì khâu bảo quản sử dụng, dự trữ nguyên vật liệu nhằm đáp ứng đầy đủ kịp thời, chất lượng đảm bảo cho quá trình sản xuất cung ứng có vai trò không kém phần quan trọng. Nhận thức được điều này Công ty được tiến hành tổ chức việc bảo quản dự trữ nguyên vật liệu toàn Công ty theo 3 kho khác nhau với nhiệm vụ cụ thể của từng kho là:

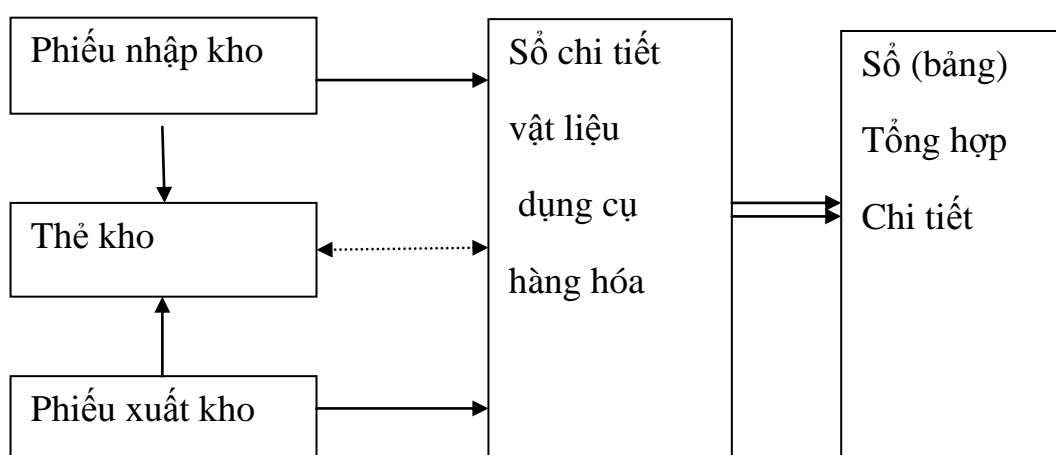
+ **Kho nguyên vật liệu chính:** Là kho chứa các loại nguyên vật liệu chính gồm các loại vải, vải lót, vải ngài... v.v phục vụ cho sản xuất sản phẩm.

+ **Kho nguyên vật liệu phụ và phụ tùng tạp phẩm:** Kho này chứa các nguyên vật liệu phụ, phụ tùng thay thế và tạp phẩm như phần bay, giấy, thoi suốt, kim, chỉ, khoá v.v..

Việc quản lý các kho nguyên vật liệu Công ty giao cho các thủ kho phụ trách, các thủ kho có trách nhiệm bảo quản nguyên vật liệu theo dõi tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các hoá đơn, chứng từ. Đến kỳ gửi các hoá đơn đó lên phòng kế toán cho kế toán vật liệu ghi sổ.

5. Kế toán chi tiết vật liệu.

- Do đặc tính vật liệu của công ty chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, nên đòi hỏi phải phản ánh, theo dõi chặt chẽ tình hình nhập- xuất- tồn kho cho từng thứ, từng loại cả về số lượng, chủng loại và giá trị nên kế toán công ty áp dụng chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Thông thường qua việc tổ chức kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song, kế toán sẽ đáp ứng được nhu cầu này.

Sơ đồ hạch toán theo phương pháp thẻ song song :

+ Tại kho: Việc hạch toán chi tiết ở kho được tiến hành kiểm tra trên thẻ kho. Thẻ kho do thủ kho lập khi có chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu. Sau khi kiểm tra tính hợp lý, chính xác của chứng từ và đối chiếu với số nguyên vật liệu thực nhập hoặc thực xuất thực tế với số nguyên vật liệu nhập kho ghi trên chứng từ rồi ghi số thực nhập, thực xuất trên chứng từ vào thẻ kho, tính ra số tồn trên thẻ kho, dựa vào đó để đối chiếu kiểm tra số liệu trên thẻ kho với số nguyên vật liệu hiện có trong kho.

Các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu hàng ngày được thủ kho sắp xếp phân loại riêng theo từng loại và định kỳ gửi lên phòng kế toán để kế toán nguyên vật liệu ghi sổ.

+ Tại phòng kế toán: Kế toán vật liệu ở công ty sử dụng sổ chi tiết vật tư để ghi chép tình hình nhập- xuất- tồn kho của từng thứ, từng loại vật liệu theo chỉ tiêu số lượng đối với xuất kho vật liệu và theo dõi cả hai chỉ tiêu: số lượng và giá trị đối với nhập kho vật liệu

Sổ chi tiết vật liệu là một sổ kế toán chi tiết được mở cho từng thứ, từng loại vật liệu. Sổ chi tiết vật liệu bao gồm các chỉ tiêu: ngày tháng, số hiệu chứng từ nhập- xuất, diễn giải, chỉ tiêu nhập- xuất- tồn.

Định kỳ khoảng 8-10 ngày, kế toán vật liệu xuống kho lấy chứng từ rồi tiến hành sắp xếp, phân loại theo thứ tự của phiếu nhập, phiếu xuất. Căn cứ vào

phiếu nhập, phiếu xuất, kế toán vào sổ chi tiết vật liệu. Do vậy, các phiếu nhập, phiếu xuất, hoá đơn kiêm phiếu xuất kho là căn cứ để kế toán ghi sổ kế toán chi tiết vật liệu.

Hạch toán chi tiết vật liệu được thực hiện kết hợp giữa kho và phòng kế toán nhằm mục đích theo dõi chặt chẽ tình hình nhập- xuất- tồn kho cho từng thứ, từng loại vật liệu cả về số lượng và giá trị. Việc hạch toán chi tiết vật liệu làm cơ sở ghi sổ kế toán và kiểm tra, giám sát sự biến động của chúng.

Vậy để có thể tổ chức thực thực hiện được toàn bộ công tác vật liệu nói chung và kế toán chi tiết vật liệu nói riêng thì trước hết phải bằng phương pháp chứng từ kế toán để phản ánh tất cả các nghiệp vụ lên quan đến nhập- xuất vật liệu. Chứng từ kế toán là cơ sở pháp lý để ghi sổ kế toán.

Hiện nay, kế toán vật liệu của công ty sử dụng các chứng từ sau:

- + Hóa đơn (GTGT)
- + Phiếu nhập kho
- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu xuất kho kiêm hoá đơn bán hàng
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- + Biên bản kiểm kê vật tư...

5.1. Trình tự luân chuyển chứng từ diễn ra ở công ty như sau:

5.1.1. Đối với nhập kho vật liệu.

Căn cứ vào hóa đơn, giấy báo nhận hàng, thủ kho tiến hành nhập vật liệu vào kho, qua kiểm nghiệm của thủ kho ghi sổ thực nhập và phiếu nhập kho, ghi đơn giá, quy cách vật tư... và cùng người giao hàng ký nhận vào phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho phải có đầy đủ chữ ký, thủ kho giữ lại một liên gốc, một liên gửi lên phòng kế toán làm căn cứ để tính giá vật liệu xuất kho và ghi vào sổ kế toán.

5.1.2. Đối với vật liệu xuất kho

Khi các bộ phận sử dụng có nhu cầu về vật liệu, trên cơ sở chứng từ, căn cứ vào sản lượng định mức và định mức tiêu hao vật liệu phòng kế hoạch ra lệnh xuất kho vật liệu. Căn cứ vào đó mà thủ kho tiến hành xuất kho vật liệu và ghi sổ thụ xuất trên phiếu xuất kho được viết thành 3 liên và có chữ ký của thủ trưởng đơn vị, phụ trách cung tiêu, kế toán trưởng, người nhận. Một liên giữ lại ở kho một liên giao cho người nhận vật liệu, một liên gửi cho phòng kế toán làm căn cứ để tính giá vật liệu xuất kho và ghi vào sổ kế toán.

*** Nghiệp vụ phát sinh:** Về hạch toán hàng tồn kho tại công ty.

VD1:

Nguyên vật liệu chính: Ngày 07/12/2010, công ty mua vải chính hàng J.W của Cty CP xuất nhập khẩu Tiên Vinh và ngày 15/12/2010 cty mua Vải lót lưới hàng Jack của Công ty Cổ phần dệt may Hải Phòng.

- Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ mua hàng kế toán kích vào phần phiếu chi, phần mềm báo cho chương trình đang khởi động. Sau khi kích vào phần phiếu chi, màn hình hiện ra giống như màn hình sau:

-Khi màn hình hiện lên, kế toán nháy kép vào số phiếu chi 6250 rồi ấn Enter, máy hiện ra màn hình của số phiếu chi 6250, ấn F4 hiện ra màn hình của số phiếu chi 6250, sau đó kế toán tiến hành nhập tên người bán Cty CP Xuất nhập khẩu Tiến Vinh, ấn Enter để vào phần số tiền, sau khi nhập số tiền 17.589.440đ, kế toán ấn Ctrl +A để nhập thuế GTGT đầu vào sau đó kế toán ấn F10 để lưu, ấn F7 để in ra phiếu chi

Mã chứng từ: 1. PCTV - Phiếu chi tiền mặt VND

Số chứng từ: 0046250 Ngày CT: 07/12/2010 Mã óng bà: CT6250 Tên óng bà: Công Ty CP Xuất nhập khẩu Tiến Vinh

Địa chỉ: 40/361 Trung Hoà - Cầu Giấy - HN Mã ngoại tệ: VND Tỷ giá:

Điền gửi: Công Ty CP Xuất nhập khẩu Tiến Vinh

| TK nợ | Tên tài khoản nợ | TK có | Mã ĐT | Tiền VNĐ | Điền gửi chi tiết | Mã KM | Mã hàng |
|-------|------------------|-------|--------|------------|-------------------------------------|-------|---------|
| 1111 | Tiền Việt Nam | 1111 | CT6250 | 15 990 400 | Công Ty CP Xuất nhập khẩu Tiến Vinh | | |

Khai báo chi tiết thuế VAT

| Mã VAT | TK nợ | TK có | Mã ĐT | Mã ĐT VAT | Tên đối tượng kê thuế | Mã Thuế | Tên hàng | Điền gửi |
|--------|-------|-------|--------|-----------|-----------------------------|------------|-------------------------|----------|
| BR04 | 1331 | 1111 | CT6250 | CT6250 | Công Ty CP Xuất nhập khẩu 1 | 0101914934 | chính hãng Jackwolfskin | Thuế GT |

Kèm số chứng từ gốc:
 Giấy giới thiệu:
 Ngày giấy giới thiệu: / /

Tổng tiền trước thuế: 15 990 400
 Tổng tiền thuế VAT: 1 599 040
 Tổng tiền thanh toán: 17 589 440

Ghi Không ghi Lọc (F2) In (F7) Xóa (F8) Báo cáo nhanh Thoát (ESC)

-Chứng từ ghi sổ: Kế toán nháy kép vào phần sổ sách kế toán màn hình máy tính hiện ra một loạt dòng các loại sổ sách sau đó kích chuột trái vào dòng chứng từ ghi sổ, nhập ngày tháng viết chứng từ, nhập số hiệu 111 của tài khoản tiền mặt, số hiệu 152 của tài khoản nguyên liệu vật liệu..., màn hình máy tính hiện ra chứng từ ghi sổ tương ứng sau đó kế toán nhập số liệu của nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào chứng từ ghi sổ, ấn F10 để lưu. Cuối tháng kế toán kích vào biểu tượng in để in ra chứng từ ghi sổ.

-Sổ cái: Kế toán cũng thực hiện các thao tác tương tự như khi vào sổ chứng từ ghi sổ để vào sổ cái TK 152,TK111. TK331, TK133, ấn F10 để lưu và cuối quá kích vào biểu tượng in để in ra đóng vào quyển.

NXHV (F2 lặc, F3 xóa/không ghi, F4 mũi/ghi, F7 in, F8 xo., F9 m.y t/ynh, F12 xem, Ctrl+A thuở VAT, Ctrl+F Nhép chi phÝ)

Mã CT: 01. NVFV - Phiếu nhập vật tư, tiền VNĐ, giá thực tế

Số CT: PC0046250 Ngày CT: 07/12/2010 Ông bà: Cty xuất nhập khẩu Tiến Vinh

Mã KH: CT0250 Cty xuất nhập khẩu Tiến Vinh MS thuế: 0101914934 Hình thức thanh toán

Mã kho: Mã NT: VND 1.00 Tiền mặt

Diễn giải: Nhập vải chính hàng Jackwolskin Hoá đơn: 0046250 Ngày HĐ: 07/12/2010

| Mã hàng | Tên vật tư | ĐVT | Số lượng | Giá | Tiền | TK nợ | TK có | Mã KM | Mã VV |
|---------|------------------------------|-----|-----------|-----------|------------|-------|-------|-------|-------|
| | Vải chính hàng Jackwolskin M | | 1 052.000 | 15 200.00 | 15 990 400 | 152 | 1111 | | |

Khai báo VAT Tổng số lượng: 1 052.000

| Ngày HĐ | Mẫu số | Số Serial | Số HĐ | Tiền tr/thuế | % thuế | Loại VAT | Tiền | Mã KH | Mã KH VAT | Tên KH |
|---------|--------|-----------|-------|--------------|--------|----------|------|-------|-----------|--------|
| | | | | | | | | | | |

Tổng tiền hàng trước thuế: 15 990 400

Tổng chi phí mua hàng

Tổng tiền VAT

Tổng cộng tiền hàng: 15 990 400

VAT

HOÁ ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Lìòn 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01 GTKT - 3LL

BT/ 2010B

0046250

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Tiên Vinh

Địa chỉ : 40/361 Trung Hòa – Cầu giấy – Hà Nội

Điện thoại:

MST:

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 0 | 1 | 0 | 1 | 9 | 1 | 4 | 9 | 3 | 4 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|

Họ tên người mua hàng: Công ty cổ phần May Hai

Địa chỉ: Số 216 – Trần Thành Ngọ - Kiến An - HP

Điện thoại:

MST:

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 1 | 5 | 1 | 5 | 1 | 0 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|

Hình thức thanh toán: TM

| STT | Tên hàng hoá dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|-------------------------------|------------------------|----------|---------|------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3= 1 * 2 |
| 1 | Vải chính hàng - Jackwolfskin | m | 1052 | 15.200 | 15.990.400 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 15.990.400 |
| Thuế suất thuế GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 1.599.040 |
| Tổng cộng tiền hàng: | | | | | 17.589.440 |
| Số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu năm trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi đồng | | | | | |

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 07/12/2010

Số 0046250 ngày 07 tháng 12 năm 2010

Công ty Cổ phần May Hai

Theo hợp đồng số 10/KHVT ngày 07/12/2010

Ban kiểm nghiệm gồm có: Đại diện cung tiêu : Trưởng ban

Đại diện kỹ thuật : Ủy viên

Đại diện phòng kế toán : Ủy viên

Thủ kho : Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

| STT | TÊN, NHÃN HIỆU, QUY CÁCH VẬT TƯ | ĐVT | SỐ LƯỢNG | | | |
|-----|------------------------------------|-----|------------|-------------------|----------------------------|----------------------------------|
| | | | THEO CT | TT KIỂM NGHIỆM | ĐÚNG QUY CÁCH PHẨM CHẤT | KHÔNG ĐÚNG QUY CÁCH PHẨM CHẤT |
| 1 | Vải chính hàng - Jackwolfskin | M | 1052 | 1052 | 1052 | 0 |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

Phương thức kiểm nghiệm: Toàn bộ

Kết luận của ban kiểm nghiệm: Đạt tiêu chuẩn

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm nghiệm

(Ký, họ tên)

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI
Địa chỉ: 216 Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải
Phòng

Mẫu số: 01 – VT
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Số : 0015

Nợ : 152

Nợ : 133

Có : 111

Họ tên người giao hàng : Trần Văn Hùng

Theo HĐ 0046250 ngày 07 tháng 12 năm 2010

Nhập tại kho: Kiến An

| Số | Tên nhãn hiệu, | Mã số | Đơn | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|----|----------------|-------|-----|----------|---------|------------|
|----|----------------|-------|-----|----------|---------|------------|

| TT | quy cách, phẩm chất vật tư(sản phẩm hàng hoá) | | vị tính | Theo chứng từ | Thực nhập | | |
|----|---|-----|---------|---------------|-----------|--------|------------|
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 01 | Vải chính hàng - Jackwolfskin | VKD | M | 1052 | 1052 | 15.200 | 15.990.400 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | 15.990.400 |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười năm triệu chín trăm chín mươi ngàn bốn trăm bốn mươi đồng chẵn./.

Nhập, ngày 07 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu **Người giao hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
 (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI
Địa chỉ: 216 Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – VT
 (Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO
Từ ngày: 1/12 Đến ngày: 31/12

Kho: Kho kiến An

Mã vật tư: 8021

Tên vật tư: Vải chính hàng - Jackwolfskin

| Chứng từ | | Diễn giải | SL Nhập | SL Xuất | SL Tồn |
|----------|------|--------------|---------|---------|---------|
| Số NK | Ngày | | | | |
| | | Số lượng tồn | | | 9.296,1 |

| | | | | | |
|------|-------|--------------------|-----------|-----------|-----------|
| 0009 | 05/12 | Vải chính hàng J.W | 980 | | |
| 0015 | 07/12 | Vải chính hàng J.W | | | |
| | | | 1.052 | | |
| | ... | | | | |
| | | Tổng cộng | 42.048,09 | 120.742,2 | |
| | | Số dư cuối kỳ | | | 14.266,02 |

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Chữ ký, họ tên)

Thủ kho
(Chữ ký, họ tên)

Phụ trách kế toán
(Chữ ký, họ tên)

Mẫu số S02a - DN

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:0007.....

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

| Trích yếu | Số hiệu TK | | Số tiền | Ghi chú |
|---------------------|------------|-----|------------|---------|
| | Nợ | Có | | |
| Nhập vải chính hàng | 1521 | 111 | 15.990.400 | |
| Jackwolfskin | 133 | 111 | 1.599.040 | |
| Cộng | x | x | 17.589.440 | x |

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Mẫu số S02b - DN**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**Tháng 12 năm 2010**

| Chứng từ ghi sổ | | Số tiền |
|-----------------|-------------------|------------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | |
| | | |
| <u>0007</u> | <u>07/12/2010</u> | <u>17.589.440</u> |
| | | |
| Cộng tháng | | 109,438,907,546 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT - 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

BT/ 2010B

Lìon 2: Giao khách hàng

006179

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: **Công ty cổ phần dệt may Hải Phòng**

Địa chỉ : **114-Lê Duẩn- P.Quán Trữ- Q. Kiến An - HP**

Điện thoại:

MST:

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 0 | 1 | 0 | 4 | 2 | 0 | 7 | 8 | 7 | 1 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|

Họ tên người mua hàng: **Công ty cổ phần May Hai**

Địa chỉ: **Số 216 – Trần Thành Ngọ - Kiến An - HP**

Điện thoại:

MST:

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 1 | 5 | 1 | 5 | 1 | 0 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|

Hình thức thanh toán: CK

| STT | Tên hàng hoá dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|------------------------|------------------------|----------|---------|------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3= 1 * 2 |
| 1 | Vải lót lưới hàng Jack | m | 2.500 | 19.830 | 49.575.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 49.575.000 |
| Thuế suất thuế GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 4.957.500 |
| Tổng cộng tiền hàng: | | | | | 54.532.500 |
| Số tiền bằng chữ: Năm mươi tư triệu năm trăm ba hai ngàn năm trăm đồng./. | | | | | |

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI
Địa chỉ: 216 Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – VT
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 15/12/2010

Số 006179 ngày 15 tháng 12 năm 2010

Công ty Cổ phần May Hai

Theo hợp đồng số 10/KHVT ngày 14/12/2010

Ban kiểm nghiệm gồm có: Đại diện cung tiêu : Trưởng ban
 Đại diện kỹ thuật : Ủy viên
 Đại diện phòng kế toán : Ủy viên
 Thủ kho : Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

| STT | TÊN, NHÃN HIỆU, QUY CÁCH VẬT TƯ | ĐVT | SỐ LƯỢNG | | | |
|-----|------------------------------------|-----|------------|-------------------|----------------------------|----------------------------------|
| | | | THEO CT | TT KIỂM NGHIỆM | ĐÚNG QUY CÁCH PHẨM CHẤT | KHÔNG ĐÚNG QUY CÁCH PHẨM CHẤT |
| 1 | Vải lót lưới hàng Jack | m | 4000 | 4000 | 4000 | 0 |
| | | | | | | |

Phương thức kiểm nghiệm: Toàn bộ

Kết luận của ban kiểm nghiệm: Đạt tiêu chuẩn

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm nghiệm

(Ký, họ tên)

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI
Địa chỉ: 216 Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – VT
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Số : 0126

Nợ : 152

Nợ : 133

Có : 331

Họ tên người giao hàng : Tăng Hồng Dương

Theo HĐ 006179 ngày 15 tháng 12 năm 2010

Nhập tại kho: Kiến An

| Số TT | Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hoá) | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-------|---|-------|-------------|---------------|-----------|---------|------------|
| | | | | Theo chứng từ | Thực nhập | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 01 | Vải lót hàng Jack | VKD | m | 2500 | 2500 | 1.9830 | 49.575.000 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | 49.575.000 |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): *Bốn mươi chín triệu năm trăm bảy mươi năm ngàn đồng chẵn/.*

Nhập, ngày 15 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu**Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc***(ký, họ tên)**(ký, họ tên)**(ký, họ tên)**(ký, họ tên)**(ký, họ tên)*

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI
Địa chỉ: 216 Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – VT

**(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**

THẺ KHO**Từ ngày: 1/12 Đến ngày: 31/12****Kho:** Kho Kiến An

Mã vật tư: VLL- Jack**Tên vật tư:** Vải lót lưới Jack

| Chứng từ | | Diễn giải | SL Nhập | SL Xuất | SL Tồn |
|----------|-------|-------------------|-----------|-----------|---------|
| Số | Ngày | | | | |
| | | Số lượng tồn | | | |
| | | Vải lót hàng Jack | | | 4.351.8 |
| 0126 | 15/12 | Vải lót hàng Jack | 2.500 | | |
| | | | | | |
| 0023 | 17/12 | Vải lót hàng Jack | | 2.300 | |
| | | | | | |
| | | Cộng PS | 3.314.975 | 4.805.775 | |
| | | Dư cuối kỳ | | | 2.861 |
| | | | | | |

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập**Thủ kho****Phụ trách kế toán****Mẫu số S02a - DN****CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số:0016.....****Ngày 15 tháng 12 năm 2010**

| Trích yếu | Số hiệu TK | | Số tiền | Ghi chú |
|-------------------|------------|-----|------------|---------|
| | Nợ | Có | | |
| Nhập vải lót hàng | 1521 | 331 | 49.575.000 | |
| Jack | 133 | 331 | 4.957.500 | |
| Cộng | x | x | 54.532.500 | X |

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Mẫu số S02b - DN

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2010

| Chứng từ ghi sổ | | Số tiền |
|-----------------|-------------------|-------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | |
| | | |
| <u>0016</u> | <u>15/12/2010</u> | <u>54.532.500</u> |

| | | |
|------------|-------|------------------------|
| | | |
| Cộng tháng | | 109,438,907,546 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi số

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

VD2: Trong kỳ ngày 17/12/2010 tổ cắt may cần xuất 2300m vải lót hàng Jack để may quần kaki tiếp. Kế toán lập phiếu xuất kho gửi xuống kho. Tại kho thủ kho sẽ theo dõi việc lượng nhập xuất và lập thẻ kho cho từng loại vải cụ thể và đúng lượng mà tổ cắt yêu cầu. Khi nhận được các chứng từ xuất vật liệu thủ kho tiến hành kiểm tra hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi xuất vật liệu đã được phân loại theo chứng từ.

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI
Địa chỉ: 216 Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – VT
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 17/12/2010

Họ tên người nhận hàng: Chị phương tổ cắt

Lý do xuất: SX quần kaki tiếp

Số : 0023

Xuất tại kho: Vật liệu (Kiến An)

| Stt | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất, dung | Mã số | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---|-------|--------|----------|---------|------------|
|-----|---|-------|--------|----------|---------|------------|

| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
|---|-------------------|-------|---|---------|-----------|--|--|
| 1 | Vải lót hàng Jack | TL202 | m | 2300 | 2300 | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | 2300 | | |

Thủ trưởng đơn vị Phụ trách cung Kế toán trưởng Người nhận Thủ kho
 tiêu

VD3:

Đối với nguyên phụ liệu: Ngày 28/12/2010 Cty nhập kho chỉ may các loại của Cty Cổ phần Thương Mại Thiên Lý.

- Căn cứ vào hoá đơn GTGT, Biên bản kiểm nghiệm vật tư, kế toán lập phiếu nhập kho, khi nhập kho thủ kho lập thẻ kho để theo dõi chi tiết vật tư.

- Sau đó, kế toán ghi vào chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết TK 152

- Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ đăng kí chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 152, từ sổ chi tiết TK 152 kế toán vào bảng tổng hợp chi tiết

- Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu để vào bảng cân đối số phát sinh rồi vào các báo cáo tài chính.

- Cuối tháng hoặc cuối quý, kế toán sẽ lập báo cáo vật tư hàng hoá tồn kho .

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liền 2: Giao khách hàng
 Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL
 TR/ 2010B
 0098219

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Thương Mại Thiên Lý
 Địa chỉ : Tiên Nông- Đại Bản- An Dương- HP

Điện thoại: MST:

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 6 | 6 | 4 | 1 | 4 | 2 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|

Họ tên người mua hàng: Công ty cổ phần May Hai

Địa chỉ: Số 216 – Trần Thành Ngọ - Kiến An - HP

Điện thoại: MST:

| | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 1 | 5 | 1 | 5 | 1 | 0 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|

Hình thức thanh toán: TM

| STT | Tên hàng hoá dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|----------------------|-------------|----------|---------|------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3= 1 * 2 |
| 1 | Chỉ may 20/2- 2000m | cuộn | 181 | 16.000 | 2.896.000 |
| 2 | Chỉ may 20/2- 2000m | cuộn | 792 | 17.000 | 13.464.000 |
| 3 | Chỉ may 20/3- 2000m | cuộn | 1 | 21.500 | 21.500 |

| | | | | | |
|---|----------------------|------|------------------------|--------|------------|
| 4 | Chỉ may 20/23- 2000m | cuộn | 16 | 22.500 | 360.000 |
| 5 | Chỉ may 20/9- 500m | cuộn | 5 | 20.500 | 102.500 |
| 6 | Chỉ may 20/9- 500m | cuộn | 23 | 21.500 | 494.500 |
| 7 | Chỉ may 30/2- 4000m | cuộn | 1 | 23.500 | 23.500 |
| 8 | Chỉ may 40/2- 5000m | cuộn | 42 | 19.000 | 798.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 18.160.000 |
| Thuế suất thuế GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 1.816.000 |
| Tổng cộng tiền hàng: | | | | | 19.976.000 |
| Số tiền bằng chữ: Mười chín triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng chẵn./. | | | | | |

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 28/12/2010

Số 0098219 ngày 28 tháng 12 năm 2010

Công ty Cổ phần May Hai

Theo hợp đồng số 10/KHVT ngày 28/12/2010

Ban kiểm nghiệm gồm có: Đại diện cung tiêu : Trưởng ban
Đại diện kỹ thuật : Ủy viên
Đại diện phòng kế toán : Ủy viên
Thủ kho : Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

| ST T | TÊN, NHÃN HIỆU, QUY CÁCH VẬT TƯ | ĐVT | SỐ LƯỢNG | | | |
|---------|------------------------------------|------|----------|-------------------|----------------------------|----------------------------------|
| | | | THEO CT | TT KIỂM NGHIỆM | ĐÚNG QUY CÁCH PHẨM CHẤT | KHÔNG ĐÚNG QUY CÁCH PHẨM CHẤT |
| 1 | Chỉ may 20/2- 2000m | Cuộn | 181 | 181 | 181 | 0 |
| 2 | Chỉ may 20/2-2000m | Cuộn | 792 | 792 | 792 | 0 |
| 3 | Chỉ may 20/3- 2000m | Cuộn | 1 | 1 | 1 | 0 |
| 4 | Chỉ may 20/3- 2000m | Cuộn | 16 | 16 | 16 | 0 |

| | | | | | | |
|---|---------------------|------|----|----|----|---|
| 5 | Chỉ may 20/9- 500m | Cuộn | 5 | 5 | 5 | 0 |
| 6 | Chỉ may 20/9- 500m | Cuộn | 23 | 23 | 23 | 0 |
| 7 | Chỉ may 30/2- 4000m | Cuộn | 1 | 1 | 1 | 0 |
| 8 | Chỉ may 40/2- 5000m | Cuộn | 42 | 42 | 42 | 0 |
| | | | | | | |

Phương thức kiểm nghiệm: Toàn bộ

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI
Địa chỉ: 216 Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – VT
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

Kết luận của ban kiểm nghiệm: Đạt tiêu chuẩn

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Số : 0130

Nợ : 152

Nợ : 133

Có : 111

Họ tên người giao hàng : Trần Thị Nga
Theo HĐ 0098219 ngày 28 tháng 12 năm 2010
Nhập tại kho: Kiến An

| Số TT | Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư(sản phẩm hàng hoá) | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-------|--|-------|-------------|---------------|-----------|---------|------------|
| | | | | Theo chứng từ | Thực nhập | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 01 | Chỉ may 20/2-2000m | 54040 | Cuộn | 181 | 181 | 16.000 | 2.896.000 |
| 02 | Chỉ may 20/2-2000m | 54041 | Cuộn | 792 | 792 | 17.000 | 13.464.000 |
| 03 | Chỉ may 20/3-2000m | 54042 | Cuộn | 1 | 1 | 21.500 | 21.500 |
| 04 | Chỉ may 20/3-2000m | 54043 | Cuộn | 16 | 16 | 22.500 | 360.000 |
| 05 | Chỉ may 20/9- 500m | C8145 | Cuộn | 5 | 5 | 20.500 | 102.500 |

| | | | | | | | |
|----|------------------------|-------|------|----|----|--------|------------|
| 06 | Chỉ may 20/9- 500m | C8146 | Cuộn | 23 | 23 | 21.500 | 494.500 |
| 07 | Chỉ may 30/2- 4000m | C8147 | Cuộn | 1 | 1 | 23.500 | 23.500 |
| 08 | Chỉ may 40/2- 5000m | C8149 | Cuộn | 42 | 42 | 19.000 | 798.000 |
| | Cộng | | | | | | 18.160.000 |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười tám triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn/.

Nhập, ngày 28 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI
Địa chỉ: 216 Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – VT
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Từ ngày: 1/12 Đến ngày: 31/12

Kho: Kho kiến An

Mã vật tư: chỉ 20/2-20/3-20/9

Tên vật tư: Chỉ các loại

| Chứng từ | | Diễn giải | SL Nhập | SL Xuất | SL Tồn |
|----------|-------|-------------------|---------|---------|--------|
| Số NK | Ngày | | | | |
| | | Số lượng tồn | | | 9.633 |
| | | | | | |
| 0130 | 28/12 | Nhập chỉ các loại | 1.061 | | |
| | ... | | | | |
| | | Tổng cộng | 6.951 | 9.831 | |

| | | | | | |
|--|--|---------------|--|--|--------|
| | | Số dư cuối kỳ | | | 13.464 |
|--|--|---------------|--|--|--------|

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2010

| | | |
|------------------|------------------|--------------------------|
| Người lập | Thủ kho | Phụ trách kế toán |
| (Chữ ký, họ tên) | (Chữ ký, họ tên) | (Chữ ký, họ tên) |

Mẫu số S02a - DN
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số:1116.....

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

| Trích yếu | Số hiệu TK | | Số tiền |
|-------------------|------------|-----|------------|
| | Nợ | Có | |
| Nhập chỉ Thiên Lý | 1522 | 111 | 18.160.000 |
| | 133 | 111 | 1.816.000 |
| Cộng PS | | | 19.976.000 |

Kèm theochứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

Mẫu số S02b - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2010

| Chứng từ ghi sổ | | Số tiền |
|-----------------|------------|------------------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | |
| | | |
| 0006 | 06/12/2010 | 47.952.688 |
| 0019 | 10/12/2010 | 15.244.000 |
| | | |
| 1116 | 28/12/2010 | 19.976.000 |
| Cộng | | 109.438.907.546 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC)

CHITIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 15221

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu: Vải lót hàng Jack

| Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|---------------|--------------|------------------------------------|------------|---------------|--------------|-------------------|----------|------------|--------------|--------------------|
| Số | Ngày tháng | | | | SL | TT | SL | TT | SL | TT |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3=1×2 | 4 | 5=1×4 | 6 | 7=1×6 |
| | | Số dư đầu kỳ | | | | | | | 4.351,8 | 79,885,253 |
| | | Số phát sinh | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |
| 006179 | 15/12 | Nhập vải lót lưới hàng Jack | 331 | 19.830 | 2.500 | 49.575.000 | | | 7.756 | 115.531.158 |
| 0023 | 17/12 | Xuất vải lót lưới hàng Jack sx | 6212 | 17.142 | | | 2.300 | 39.426.600 | 5.456 | 93.526.752 |
| | | | | | | | | | | |
| | | Tổng cộng | × | × | 3.314.975 | 65,734,744 | 4805.775 | 91,278,882 | 2.861 | 54,341,115 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | | | | | 2.861 | 54,341,115 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)**BẢNG KÊ TÒN KHO NVL**
Tháng 12 năm 2010

| Mã HHVT | Tên HHVT | ĐVT | Số dư đầu kỳ | | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|-----------------|--|----------|---------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|----------------------|-------------|--------------------|
| | | | Số lượng | Số tiền | Số lượng | Số tiền | Số lượng | Số tiền | Số lượng | Số tiền |
| 8021 | Vải chính hàng-JW | YDS | 92960.1 | 3,911,761,417 | 42048.09 | 2,242,100,236 | 120742.2 | 5,453,900,946 | 14266.02 | 699,960,707 |
| DETKIM | Vải dệt kim | KG | 9.7 | 713,415 | 0 | - | 0 | - | 9.7 | 713,415 |
| VKD | Vải không dệt các loại (Mex các loại) | YDS | 22412.4 | 75,135,159 | 0 | - | 10519.79 | 35,266,463 | 11892.61 | 39,868,696 |
| VLL-Jack | Vải lót lưới hàng Jack | M | 4351.8 | 79,885,253 | 3314.975 | 65,734,744 | 4805.775 | 91,278,882 | 2861 | 54,341,115 |
| VLT-JW | Vải lót túi hàng J.W | M | 293 | 5,763,368 | 0 | - | 293 | 5,763,368 | 0 | - |
| | | | | | | | | | | |
| | Tổng cộng NVL | | | 4,080,836,112 | | 2,307,834,980 | | 5,586,209,659 | | 802,461,433 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ – BTC
ngày 20/ 03/ 2006 của bộ trưởng BTC)**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU****Tài khoản: 1521****Tháng 12/ 2010**

| ST T | Mã nguyên vật liệu | Tên nguyên vật liệu | Số tiền | | | | | | | |
|----------|-----------------------|-------------------------------|----------------|----------------------|------------------|----------------------|------------------|----------------------|--------------|--------------------|
| | | | Tồn đầu kỳ | | Nhập trong kỳ | | Xuất trong kỳ | | Tồn cuối kỳ | |
| | | | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền | SL | Thành tiền |
| 1 | 8021 | Vải chính hàng-JW | 92.960,1 | 3,911,761,417 | 42.048,09 | 2,242,100,236 | | 5,453,900,946 | 14.266,02 | 699,960,707 |
| 2 | DETKIM | Vải dệt kim | 9.7 | 713,415 | | - | | - | 9.7 | 713.415 |
| 3 | VCGS-GW | Vải chính giả da hàng GW | | - | 125 | 190.000 | | - | 125 | 190.000 |
| 4 | VCQA | Vải chính quần âu hàng MH | 3.752,87 | 110.604.767 | | - | | - | 3.752,87 | 110.604.767 |
| 6 | VKD | Vải không dệt các loại | 22.412,4 | 75,135,159 | | - | 10.519,79 | 35,266,463 | 11.892,61 | 39,868,696 |
| 7 | VL-GW | Vải lót hàng Gerry | 8945,56 | 32.658.489 | 13.134,8 | 47.952.688 | 18.440 | 67.321.277 | 3.640,36 | 13.289.900 |
| 8 | VLL-GW | Vải lót lưới hàng Gerry | 5.641 | 11.573.453 | | - | 5641 | 11.573.453 | | - |
| 9 | VLL-Jack | Vải lót lưới hàng Jack | 4.351,8 | 79,885,253 | 3.314,975 | 65,734,744 | 4.805,775 | 91,278,882 | 2.861 | 54,341,115 |
| 10 | VLT-JW | Vải lót túi hàng J.W | 293 | 5,763,368 | | - | | - | 293 | 5,763,368 |
| | | | | | | | | | | |
| Cộng | | | | 4,080,836,112 | | 2,307,834,980 | | 5,586,209,659 | | 802,461,433 |

BẢNG KÊ TỒN KHO PHỤ LIỆU
Tháng 12 năm 2010
TK: 1522

| Tên HHVT | ĐVT | Số dư đầu kỳ | | Nhập | | Xuất | | Tồn | |
|---------------------|-------------|--------------|--------------------|--------------|--------------------|--------------|----------------------|---------------|--------------------|
| | | Số lượng | Số tiền | Số lượng | Số tiền | Số lượng | Số tiền | Số lượng | Số tiền |
| Khóa 100 cm | CAI | 132 | 471,200 | - | - | - | - | 132 | 471,200 |
| Chỉ các loại | CUON | 9,633 | 257,133,318 | 6,951 | 202,218,751 | 9,831 | 270,076,935 | 13,464 | 377,055,397 |
| Cúc các loại | CAI | 222,575 | 66,774,988 | 500,112 | 150,033,600 | 512,729 | 153,820,466 | 209,958 | 62,988,122 |
| Cúc dập | BO | 28,715 | 18,435,320 | 1,394 | 1,634,602 | 30,109 | 20,069,922 | - | - |
| Đạn nhựa | CAI | 439,346 | 3,230,117 | 310,000 | 2,460,421 | 432,603 | 3,257,294 | 316,743 | 2,433,244 |
| Khoanh cổ giấy | CAI | 42,867 | 13,254,026 | 3,900 | 3,315,000 | 6,309 | 2,235,208 | 40,458 | 14,333,818 |
| Kẹp nhựa | CAI | 8,421 | 486,164 | - | - | 8,421 | 486,164 | - | - |
| Khóa May Hai | CAI | 685 | 3,556,390 | 75 | 692,270 | 625 | 3,493,964 | 135 | 754,696 |
| Túi giấy 37 x 27x7 | TUI | - | - | 1,010 | 11,137,546 | 1,010 | 11,137,546 | - | - |
| | | | | | | | | | |
| Tay kéo khóa | CAI | 185 | 727,597 | - | - | - | - | 185 | 727,597 |
| Vòng nhựa | CAI | 7,598 | 2,297,450 | 82,450 | 26,384,000 | 80,252 | 25,571,589 | 9,796 | 3,109,861 |
| Dây kéo khóa Fob | CAI | 459 | 2,046,745 | - | - | - | - | 459 | 2,046,745 |
| Mắc áo hàng Punto | CAI | 11,260 | 27,562,238 | 179,804 | 515,471,420 | 191,064 | 543,033,658 | - | - |
| Cộng | | | 472,375,795 | | 913,347,610 | | 1,096,795,214 | | 476,708,454 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

Mẫu số S02c1 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2010
Tài khoản: Nguyên vật liệu
TK: 152

| Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TKĐƯ | Số tiền | |
|-----------------|------------|-----------------------------|-----------------|---------------|---------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | 4.553.211.907 | |
| | | Phát sinh trong kỳ | | | |
| | | | | | |
| 0004 | 05/12/2010 | Mua NVL(Vải lót) | 112 | 47.952.688 | |
| 0006 | 06/12/2010 | Mua NVL(Bông, Vải sa tin) | 112 | 15.244.000 | |
| 0007 | 07/12/2010 | -Mua vải chính hàng J.W | 111 | 15.990.400 | |
| 0016 | 15/12/2010 | -Mua vải lót lưới hàng Jack | 331 | 49.575.000 | |
| 1116 | 28/12/2010 | -Mua chỉ các loại | 111 | 18.160.000 | |
| 1981 | 31/12/2010 | Xuất NL sản xuất hàng Gerry | 6212 | | 593.105.161 |
| 1982 | 31/12/2010 | Xuất PL sản xuất hàng JW | 6212 | | 245.778.509 |
| | | Cộng số phát sinh | | 3.221.182.590 | 6.683.004.873 |
| | | Số dư cuối kỳ | | 1.091389.624 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

6. Kế toán tổng hợp vật liệu

6.1. Nếu thanh toán bằng tiền mặt

Kế toán tổng hợp vật liệu là việc sử dụng các tài khoản kế toán để phản ánh, kiểm tra, giám sát các đối tượng kế toán có nội dung kinh tế ở dạng tổng quát.

Thước đo tiền tệ là thước đo mà kế toán tổng hợp sử dụng. Kế toán tổng hợp có chức năng phản ánh số hiện có, tình hình biến động toàn bộ tài sản của doanh nghiệp theo chỉ tiêu giá trị mà kế toán chi tiết vật liệu chưa đảm bảo được yêu cầu này. Qua đó, ta thấy kế toán tổng hợp là khâu quan trọng trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu bởi nó đóng vai trò cung cấp những số liệu cần thiết phục vụ cho công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Như vậy, song song với công tác hạch toán chi tiết vật liệu kế toán tổng hợp nhập, xuất vật liệu là công việc không thể thiếu.

Công ty Cổ phần May Hai áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, do đó khi áp dụng công tác kế toán tổng hợp vật liệu, công ty sử dụng các tài khoản sau:

- Tài khoản 152: nguyên vật liệu
- Tài khoản 111: Tiền mặt
- Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng
- Tài khoản 133: Thuế GTGT được khấu trừ
- Tài khoản 331: Phải trả cho người bán(chi tiết cho từng đối tượng)
- Tài khoản 621: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp(xuất NVL-PL sản xuất)
- Tài khoản 627, TK642, TK641

VD: Phiếu chi tiền mặt mua vải chính hàng Jack của Công ty xuất nhập khẩu Tiến Vinh ngày 07/12/2010 số hóa đơn 0046250

Địa chỉ : Số 216- Trần Thành Ngọ- Kiến An- HP

ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ
BTC ngày 20/03/2006 của BTC

PHIẾU CHI

Quyển số :

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

Số : PC0010

Người nhận tiền : Cty xuất nhập khẩu Tiến Vinh

Địa chỉ : 40/361 Trung Hòa- Cầu Giấy - HN

Về khoản : Thanh toán tiền mua vải

Số tiền : 17.589.440 (viết bằng chữ) *Mười bảy triệu năm trăm tám mươi chín bốn trăm bốn mươi đồng./*

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) :

Ngày 07 tháng 12 năm 2010

| | | | | |
|--|---------------------------------------|--|--------------------------------|--|
| Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên) | Kế toán trưởng (ký, họ tên) | Người lập phiếu (ký, họ tên) | Thủ quỹ (ký, họ tên) | Người nhận tiền (ký, họ tên) |
|--|---------------------------------------|--|--------------------------------|--|

SỔ QUỸ TIỀN MẶT**Tháng 12/2010**

| Ngày chứng từ | Số chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Số tiền | | |
|-------------------|-------------|----------------|----------------------------------|------------|---------------|-------------------|-------------|
| | Phiếu thu | Phiếu chi | | | Thu | Chi | Tồn |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | | 147,993,440 |
| | | | | | | | |
| 03/12/2010 | | PC-0003 | Chi mua đồ hành chính | 6428 | | 164,500 | 152,145,240 |
| 04/12/2010 | | PC-0006 | Chi tiền mua giấy | 6278 | | 50,000 | 156,669,340 |
| 05/12/2010 | | PT-0009 | Công ty CP may Hà Phong trả tiền | 131 | 12.900.000 | | |
| 07/12/2010 | | PC-0010 | Mua vải chính hàng J.W | 152 | | 15.990.400 | |
| | | | | 133 | | 1.599.040 | |
| 09/12/2010 | | PC-0143 | Mua phụ liệu Dũng Đông | 152 | | 550.000 | |
| | | | | 133 | | 55.000 | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 2,660,315,623 | 2,507,908,094 | |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | 300,400,969 |

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Mẫu số S02c1 - DN

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản : Tiền mặt

TK: 111

| Chứng từ ghi sổ | | Diễn giải | Số hiệu TKĐƯ | Số tiền | |
|-----------------|---------------|----------------------------------|-----------------|---------------|---------------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | 147.993.440 | |
| | | Phát sinh trong tháng | | | |
| 0001 | 02/12 | Nộp tiền vào TK tiền gửi NH | 1121 | | 60.000.000 |
| 0002 | 02/12 | Chi tạm ứng | 141 | | 28.000.000 |
| 0003 | 04/12 | Thu tiền bán hàng | 131 | 74.991.544 | |
| 0004 | 04/12 | Chi tiếp khách | 6428 | | 326.000 |
| 0007 | 06/12 | Chi tiền tạm ứng làm thu tục XK | 141 | | 7,125,480 |
| | | | | | |
| 1115 | 31/12 | Chi mua NVL (vải chính hàng J.W) | 152 | | 15.990.400 |
| 1117 | 31/12 | Thuế GTGT đầu vào | 133 | | 1.599.040 |
| | | Cộng số phát sinh | | 2,660,315,623 | 2,507,908,094 |
| | | Số dư cuối kỳ | | 300,400,969 | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

6.2. Nếu thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng và công nợ phải trả người bán.

- Khi mua nguyên vật liệu chưa thanh toán cho nơi cung cấp thì để theo dõi tình hình thanh toán nợ, kế toán sử dụng TK 331, sổ chi tiết TK 331, sổ tổng hợp công nợ phải trả người bán 331.

- Thông qua tình hình thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng như: việc mua sắm nguyên vật liệu, trả công nợ, rút tiền gửi ngân hàng về quỹ tiền mặt... kế toán căn cứ vào giấy báo nợ của ngân hàng để ghi vào sổ “ Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng ”

VD: Ngày 15/12/2010 cty mua vải lót lưới hàng Jack của công ty cổ phần Dệt May Hải Phòng bằng hình thức chuyển khoản. Khi mua hàng về kế toán sẽ theo dõi công nợ và ghi vào sổ chi tiết người bán theo từng đối tượng. Sau khi lập sổ chi tiết công nợ kế toán căn cứ vào giấy báo nợ của ngân hàng để vào sổ tiền gửi ngân hàng theo từng đối tượng người bán.

Mẫu số S02c1 - DN

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TK 331

Tháng 12 năm 2010

Đối tượng: Cty Cổ phần dệt may Hải Phòng

| CT | | Diễn giải | TK ĐƯ | Số tiền PS | | Số dư | |
|--------|--------------|---------------------------|------------|-------------------|-------------|-------|-------------|
| Số | Ngày | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | | | 80.750.550 |
| 006179 | 15/12 | Mua vải lót lưới hàng | 152 | | 49.575.000 | | 130.325.550 |
| | | Jack | 133 | | 4.957.500 | | 135.283.050 |
| | | Thuế GTGT đầu vào | | | | | |
| | | | | | | | |
| 006205 | 16/12 | Mua vải dệt kim | 152 | | 98.000.000 | | 233.283.050 |
| | | Thuế GTGT đầu vào | 133 | | 9.800.000 | | 243.083.050 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | | |
| | 18/12 | Trả tiền HĐ 006179 | 112 | 54.532.500 | | | 188.550.550 |
| | | Cộng PS | | 410.980.000 | 522.974.870 | | |
| | | Dư cuối kỳ | | | | | 192.745.420 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Mẫu số S02c1 - DN

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Phải trả người bán

Tháng 12 năm 2010

| CT | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Số tiền | |
|-------------------------|---------------|--|----------------------|-------------------|---------------|
| Ngày tháng ghi số | Số hóa đơn | | | Nợ | Có |
| | | Dư đầu kỳ | | 263,903,267 | 3,122,850,670 |
| | | Số phát sinh | | | |
| 18/12/2010 | 006179 | TT tiền hàng Cty Cổ phần dệt may HP | 112 | 54,532,500 | |
| 28/12/2010 | 0061070 | Cty TNHH TM DV & XD Bảo Châu | 211 | | 78,200,000 |
| 28/12/2010 | 0061070 | Thuế GTGT đầu vào | 133 | | 3,910,000 |
| 30/12/2010 | 0062697 | Cty CPTMDVĐT Thái Anh | 152 | | 22,381,699 |
| | | Thuế GTGT đầu vào | 133 | | 2,238,170 |
| | | | | | |
| | | Cộng PS | | 7,667,360,055 | 5,580,505,012 |
| | | Dư cuối kỳ | | 1,270,876,511 | 2,042,968,871 |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên)

ỦY NHIỆM CHI Số: 420**CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN**

Lập ngày 15 tháng 12 năm 2010

Tên đơn vị trả tiền: CTY CP MAY HAI

Số tài khoản: 105-001-00007186

Tại ngân hàng: TECHCOMBANK

Tên đơn vị nhận tiền: CTY CỔ PHẦN DỆT MAY HP

Số tài khoản: 0050000078

Tại ngân hàng: GP.BANK

Số tiền bằng chữ: Năm mươi tư triệu năm trăm ba hai ngàn năm trăm đồng./.

Nội dung thanh toán: thanh toán tiền mua vải lót lưới hàng Jack theo hóa đơn số 006179

| |
|---|
| PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI TÀI KHOẢN NỢ |
| TÀI KHOẢN CÓ |
| SỐ TIỀN BẰNG SỐ 54.532.500 đồng |

Đơn vị trả tiền

Ngân hàng A

Ngân hàng B

Ghi sổ ngày: .../.../...

Ghi sổ ngày: .../.../...

Kế toán Trưởng phòng KT

Kế toán Trưởng phòng KT

Kế toán Trưởng phòng KT

NGÂN HÀNG GP.BANK

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Loại tiền gửi: Không kỳ hạn

| Chứng từ | | Diễn giải | T/khoản đối ứng | Số tiền | | |
|----------|-------------|---|--------------------|----------------|----------------|-------------|
| Số | Ngày, tháng | | | Gửi vào | Rút ra | Còn lại |
| | | Dư đầu kỳ | | | | 83,984,636 |
| | | Tháng 12/2010 | | | | |
| | 10/12/2010 | Nộp tiền mặt vào ngân hàng | 111 | 1,000,000 | | 1,000,000 |
| | 12/12/2010 | Thu tiền cty TNHH Xuân Ngọc | 111 | 90,000,000 | | 91,000,000 |
| | 13/12/2010 | TT tiền Cty CP may Quảng Ninh | 331 | | 82,151,055 | 8,848,945 |
| | 15/12/2010 | Doanh thu tài chính | 515 | 9,200 | | 8,858,145 |
| | 18/12/2010 | TT tiền Cty CP dệt may Hải Phòng HĐ 006179 | 331 | | 54,532,500 | |
| | | | | | | |
| | | Cộng PS | | 17,068,519,924 | 18,232,144,209 | |
| | | Dư cuối kỳ | | | | 540,194,838 |

PHẦN III

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI.

I. MỘT SỐ NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI.

Đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường là quy luật cạnh tranh. Trong cạnh tranh nếu doanh nghiệp nào mạnh sẽ đứng vững được trong thương trường kinh doanh, nghĩa là hoạt động phải có hiệu quả. Nên mục tiêu hoạt động chính của các doanh nghiệp là hướng tới việc tối đa hoá lợi nhuận. Vậy để hoạt động có lợi nhuận buộc các doanh nghiệp phải hạch toán được: làm sao doanh thu mang lại bù đắp được những chi phí bỏ ra và đảm bảo có lãi. Doanh nghiệp phải hướng tới thị trường cần gì chứ không phải quan tâm đến những gì doanh nghiệp có. Thực tế cho thấy các doanh nghiệp rất quan tâm tới việc tìm ra các giải pháp để đạt được mục tiêu này và cuối cùng hầu như tất cả các doanh nghiệp đều tìm ra một giải pháp cơ bản đó là: trong sản xuất làm sao tiết kiệm được chi phí sản xuất vì đây là cơ sở hợp lý để hạ giá thành sản phẩm. Đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất nói chung, chi phí nguyên vật liệu là chi phí chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong giá thành sản phẩm. Có những doanh nghiệp chi phí nguyên vật liệu chiếm từ 80%-90% trong giá thành sản phẩm, còn các chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, việc tăng cường quản lý vật liệu và hoàn thiện công tác kế toán vật liệu là một trong những vấn đề quan trọng góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Với ngành may mặc nói riêng, chi phí nhiên vật liệu cũng chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm may. Nên cũng như các doanh nghiệp sản xuất nói chung công ty Cổ phần May Hai cũng đã và đang cố gắng hoàn thiện công tác này.

Công ty cổ phần May Hai là một đơn vị sản xuất kinh doanh độc lập. Trải qua hơn 25 năm xây dựng và trưởng thành, qua bao khó khăn đến nay đã từng bước lớn mạnh về mọi mặt. Trưởng thành và phát triển trong nền kinh tế thị trường đã tạo đà cho bước đi của Công ty, đây là hướng đi hoàn toàn đúng đắn, dựa trên nhu cầu của thị trường và nền tảng vật chất của Công ty để ngày càng phát triển nhu cầu của thị trường và nền tảng vật chất của Công ty để ngày càng phát triển và đứng vững trong sự cạnh tranh gay gắt của thị trường. Công ty đã cung cấp cho thị trường những sản phẩm có giá trị kinh tế góp phần khẳng định vị trí của mình. Để đạt được kết quả như vậy, một phần là nhờ Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý sản xuất nói chung và quản lý tốt nguyên liệu nói riêng.

Qua thời gian nghiên cứu tìm hiểu thực tế công tác kế toán quản lý vật liệu ở Công ty, em nhận thấy công tác quản lý và hạch toán vật liệu có những ưu, nhược điểm sau:

1. Ưu điểm:

Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty được xây dựng trên mô hình tập trung là phù hợp với đặc điểm, quy mô sản xuất của Công ty. Nhìn chung việc tổ chức bộ máy kế toán của công ty là hợp lý và có hiệu quả. Bao gồm những nhân viên kế toán có trình độ, có kinh nghiệm. Do đó, một người có thể đảm nhận nhiều công việc kế toán khác nhau mà vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin cần thiết cho việc quản lý điều hành và giám sát tình hình hoạt động của công ty. Việc bố trí một kế toán kiêm nhiều công việc đã tiết kiệm được lao động.

Các phòng ban phân xưởng phối hợp chặt chẽ với phòng kế toán đảm bảo công tác hạch toán nhất là nguyên vật liệu diễn ra nhịp nhàng đều đặn.

- Về tổ chức dự trữ và bảo quản: Công ty đã xác định được định mức dự trữ vật liệu cần thiết đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn, lãng phí vì giải phóng được một số vốn lưu động đáng kể cho số dự trữ vật liệu tồn

kho không cần thiết. Hệ thống kho tàng được tổ chức hợp lý khoa học. Từ đó kế toán có điều kiện thuận lợi trong công tác hạch toán kiểm tra.

- Về việc sử dụng công tác kế toán: Với đặc điểm vận động của vật liệu trong công ty là tình hình nhập, xuất vật liệu diễn ra hàng ngày và rất nhiều nên việc lựa chọn phương pháp kê khai thường xuyên có ưu điểm hơn. Nó cho phép nhận biết một cách thường xuyên tình hình nhập- xuất- tồn kho vật liệu trong công ty.

- Về hệ thống sổ kế toán, tài khoản kế toán:

Nhìn chung công tác kế toán của Công ty đã đi vào nề nếp ổn định với hệ thống sổ sách kế toán tương đối đầy đủ, chi tiết rõ ràng. Việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán mới tương đối phù hợp. Hiện nay Công ty đang áp dụng kế toán máy theo hình thức CTGS, hình thức này phù hợp với đặc điểm của Công ty, nó khắc phục việc ghi chép trùng lặp, cung cấp thông tin kịp thời. Đối với kế toán nguyên vật liệu Công ty áp dụng theo phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho là phù hợp với tình hình thực tế của Xí nghiệp, đáp ứng được yêu cầu theo dõi thường xuyên tình hình biến động của vật, tiền vốn...

- Về khâu thu mua và sử dụng vật liệu: Vật liệu xuất dùng đúng mục đích và việc quản lý sản xuất dựa trên định mức vật liệu mà phòng kỹ thuật xây dựng. Khi có nhu cầu về vật liệu thì các bộ phận có nhu cầu về vật liệu, các bộ phận làm phiếu xin lĩnh vật liệu lên phòng kinh doanh. Sau khi xem xét tính hợp lệ của phiếu, bộ phận quản lý xét duyệt. Do vậy, vật liệu được đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sản xuất. Mặt khác, thông qua việc xây dựng định mức vật tư cho từng loại sản phẩm công ty đã tiết kiệm được lượng vật tư khá lớn. Khoản này đã đem lại doanh thu đáng kể cho công ty.

Và Công ty đã xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch mua vật liệu phục vụ cho sản xuất, kiểm nhận vật liệu thu mua chặt chẽ đảm bảo chất lượng, số lượng, chủng loại vật liệu. Quan hệ lâu năm với bạn hàng nên giá cả ổn định. Từ đó việc cung cấp

nguyên vật liệu đáp ứng đủ cho sản xuất, không gây tình trạng dư thừa vật liệu hay làm gián đoạn sản xuất.

Vật liệu xuất dùng đúng mục đích sản xuất và quản lý, sản xuất dựa trên định mức vật liệu định trước. Do đó, vật liệu đáp ứng được kịp thời cho yêu cầu sản xuất, tránh lãng phí.

Nhìn chung công tác kế toán vật liệu tại Công ty Cổ phần May Hai được thực hiện khá hiệu quả, đảm bảo theo dõi được tình hình thu mua vật liệu trong quá trình sản xuất và gia công. Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm trên vẫn còn một số vấn đề tồn tại cần được khắc phục hoàn thiện trong công tác kế toán vật liệu.

2. Những hạn chế trong công tác kế toán vật liệu tại Công ty Cổ phần May Hai.

2.1. Về việc phân loại vật liệu:

Vật liệu của Công ty rất đa dạng, phong phú, nhiều chủng loại. Trong mỗi loại lại có nhiều thứ khác nhau nhưng Công ty chưa sử dụng sổ danh điểm vật tư. Như vậy, sẽ không phân biệt được một cách tỷ mỉ từng loại nguyên vật liệu theo yêu cầu riêng trong quá trình sản xuất kinh doanh, cũng như việc gây khó khăn trong công tác kiểm kê cuối tháng.

2.2. Việc mở bảng cân đối vật tư của hàng gia công.

Do hạn chế về số nhân viên kế toán trong công ty, phòng kế toán có 5 người, mỗi người đảm nhận nhiều công việc kế toán khác nhau. Nên có những phần hành kế toán chưa hoàn chỉnh được. Hiện nay, tại công ty kế toán chỉ mở bảng cân đối vật tư của vật liệu mà công ty mua về, không mở bảng cân đối vật tư với hàng gia công. Nên việc quản lý vật liệu hàng gia công chưa đảm bảo yêu cầu đặt ra.

2.3. Về hạch toán phế liệu thu hồi : Khi thực hiện hạch toán đối với phế liệu thu hồi thì kế toán không làm thủ tục nhập kho. Phế liệu thu hồi chủ yếu là các loại vải vụn, bông vụn... chúng có thể được sử dụng trong quá trình sản xuất hoặc bán ra

ngoài. Nhưng thực tế lại không được làm thủ tục nhập kho và theo dõi trên sổ sách kế toán nào mà chỉ tập trung vào một chỗ. Chính vì thế, nó sẽ ảnh hưởng đến quản lý, sử dụng gây mất mát, hư hỏng, làm thiệt hại nguồn thu của công ty.

2.4. Đối với việc sử dụng hệ thống tài khoản : Việc mở sổ chi tiết TK 152 chưa hợp lý. Hiện nay, việc phân loại vật liệu còn quá đơn giản, kế toán chưa theo dõi được một cách riêng rẽ tình hình hiện có và sự biến động của từng nhóm vật tư

2.5. Về sổ chi tiết TK 331 phải trả cho người bán.

Khi phát sinh các nghiệp vụ nhập vật liệu đồng thời với các công việc khác, kế toán vật liệu đã tiến hành ghi sổ chi tiết thanh toán với người bán nhưng ở Công ty chưa tách riêng từng người bán, vẫn phản ánh chung trên một sổ chi tiết theo dõi thanh toán với người bán. Với số lượng đơn vị quan hệ bán cho Công ty nhiều, vì thế nó không tiện cho việc theo dõi với những người bán thường xuyên và kế toán mất nhiều thời gian và vất vả cho công tác tập hợp số liệu của từng đơn vị bán.

2.6. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho vật liệu.

Trong quá trình sản xuất sản phẩm có sử dụng nhiều loại hoá chất, nếu để lâu sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Do đó, giảm giá trị gây thiệt hại cho tài chính của Công ty.

Mặt khác, sự biến động về giá cả các loại vật liệu trên thị trường cũng ảnh hưởng đến Công ty, tuân thủ theo nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho vật liệu ở Công ty mỗi niên độ kế toán là rất cần thiết. Vì vậy Công ty có thể nghiên cứu xem xét để có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng quy định.

2.7. Về việc lập ban kiểm nhận vật tư phân xưởng.

Khi nguyên vật liệu về nhận kho đã được kiểm nhận, nhưng do nguyên vật liệu còn nguyên đai, nguyên kiện nên không thể kiểm tra chi tiết. Vì vậy khi đưa xuống sản xuất, gây ra tình trạng công nhân phân xưởng phát hiện thiếu trong quá trình sản xuất, điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến quy trình sản xuất.

II. NHỮNG Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VẬT LIỆU Ở CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI.

Trong quá trình thực tập ở Công ty Cổ phần May Hai, trên cơ sở lý luận được học và thực tế ở Công ty thì bên cạnh những ưu điểm cần phát huy, còn có những hạn chế nhất định cần được cải thiện cho phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng. Vì vậy em xin đưa ra một số ý kiến với mong muốn đây là những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán vật liệu ở Công ty.

1. Ý kiến 1: Về lập sổ danh điểm vật tư.

Sổ danh điểm vật tư : là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại vật liệu mà công ty đã và đang sử dụng. Trong sổ danh điểm vật liệu được theo dõi từng loại, từng nhóm, từng quy cách chặt chẽ giúp cho công tác quản lý và hạch toán vật liệu ở công ty được thống nhất dễ dàng.

Để lập sổ danh điểm nguyên vật liệu điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác đầy đủ, không trùng lặp thuận tiện và hợp lý.

Mà hiện nay công ty sử dụng nhiều nguyên vật liệu để cấu thành nên sản phẩm nên để phục vụ cho việc tổ chức hạch toán chi tiết hàng tồn kho, tiến tới thành lập kế toán quản trị phục vụ cho việc ra quyết định chính xác, đặc biệt trong điều kiện sử dụng tin học vào công tác kế toán, Công ty cần phải lập sổ danh điểm vật liệu.

Nếu không lập sổ danh điểm công ty sẽ bị nhầm lẫn và sẽ bị hao hụt về vật tư mà không rõ nguyên do. Việc sử dụng vật tư sẽ áp dụng dễ dàng các loại vật tư thiết yếu dùng cho sản xuất và dễ trong công tác quản lý.

Mỗi nhóm vật liệu sẽ ghi trên một trang sổ. Trong mỗi nhóm vật liệu sẽ ghi đầy đủ các loại vật liệu nhóm đó.

Sổ danh điểm vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu của loại vật liệu, nhóm vật liệu, chủng loại vật liệu. Chúng được chia thành từng phần, mỗi nhóm vật liệu được mã hoá theo số liệu riêng (mã vật tư).

Cách mã hoá danh điểm vật tư phổ biến là kết hợp giữa số liệu TK và việc phân chia cho mỗi loại được đánh số liên tục theo quy ước của loại đó. Giữa các nhóm để trống để dự phòng các nhóm vật liệu mới.

Sổ danh điểm được mở thống nhất trong phạm vi toàn Công ty nhằm đảm bảo các bộ phận trong Công ty phối hợp chặt chẽ và thống nhất trong công tác quản lý vật liệu. Sổ này sẽ có tác dụng giúp cho công tác hạch toán được dễ dàng thuận lợi và là điều kiện cần thiết để tiến hành cơ giới hoá công tác hạch toán vật liệu với mục đích giúp công tác hạch toán vật liệu được khoa học dễ dàng thuận tiện, tránh nhầm lẫn. Có thể xây dựng như sau :

SỔ ĐIỂM DANH VẬT TƯ

| Ký hiệu | | Tên quy cách, chủng loại vật tư | ĐVT | Đơn giá | Ghi chú |
|---------------------|-----------------------|------------------------------------|-------|-----------|---------|
| Nhóm | Danh điểm Vật liệu | | | | |
| Nhóm vật liệu chính | | Vải chính | | | |
| 1521 | | | | | |
| | 152111 | Vải Jacker | m | 42.080 | |
| | 152112 | Vải Gerry | m | 36.507,66 | |
| | 152113 | Vải dệt kim | m | 7.354 | |
| | | | | | |
| Nhóm vật liệu phụ | | | | | |
| | 15221 | Chỉ | Cuộn | 26.692 | |
| | 15222 | Cúc dập | Bộ | 642,01 | |
| | 15223 | Khóa | Cái | 3.569,69 | |
| | | | | | |
| Nhóm phế liệu | | | | | |
| | 15231 | Vải vụn | m | 4.521 | |
| | 15232 | Cúc các loại | cái | 1.102 | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

2. Ý kiến 2: Đối với phế liệu thu hồi

Trong quá trình sản xuất thì công ty sản xuất nào cũng có phế liệu thu hồi và đối với công ty may thì phế liệu thu hồi là rất nhiều. Với việc phế liệu thu hồi không được nhập kho và không được theo dõi trên bất cứ sổ sách nào thì sẽ ảnh hưởng tới giá thành và nguyên vật liệu như vậy sẽ làm cho công ty mất đi một khoản lợi nhuận khác đáng kể.

| | | | | | | | | |
|-----------|---|------------------------|---|----------------------------|---|-------------------------|---|------------------|
| Giá thành | = | Chi phí dở dang đầu kỳ | + | Chi phí phát sinh trong kỳ | - | Chi phí dở dang cuối kỳ | - | Phế liệu thu hồi |
|-----------|---|------------------------|---|----------------------------|---|-------------------------|---|------------------|

Khi phế liệu thu hồi tăng thì giá thành giảm. Giá thành giảm cũng là một trong những chỉ tiêu quan trọng về cạnh tranh giá cả trên thị trường. Do vậy việc hạch toán phế liệu thu hồi là một việc hết sức quan trọng không thể bỏ qua của công ty.

-TH 1 : Nếu thu hồi phế liệu qua về kho kế toán sẽ định khoản như sau

+ Khi nhập kho : Nợ TK 152 : Vật liệu, nhiên liệu

Có TK 154 : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

+ Khi bán ghi : Nợ TK 111,112,131... : Tổng giá thanh toán

Có TK 711 : Doanh thu từ phế liệu thu hồi

Có TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp

+ Kết chuyển giá vốn : Nợ Tk 632

Có TK 152

- TH 2 : Bán thẳng không qua nhập kho

+ Ghi doanh thu khi bán : Nợ TK 111,112,131... : Tổng giá thanh toán

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng

Có TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp

+ Kết chuyển giá vốn bán hàng và giảm chi phí

Nợ TK 632

Có TK 154

Chính vì vậy công ty phải thực hiện nhập kho phế liệu thu hồi, đảm bảo yêu cầu về chất lượng khi sử dụng vào sản xuất, tránh tình trạng hư hỏng, mất mát xảy ra. Khi thực hiện nhập kho phế liệu đảm bảo phải có thủ kho, kế toán vật liệu, bộ phận cung tiêu xác định cụ thể về mặt chất lượng, mẫu mã, quy cách, ước tính giá sau đó bộ phận cung tiêu viết giấy nhập kho. Thực hiện tốt các công tác này cũng sẽ góp phần thực hiện quản lý nguyên vật liệu một cách chặt chẽ, bảo quản an toàn ... góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất cho công ty.

3. Ý kiến 3 : Hoàn thiện công tác vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

* Đối với việc mở sổ chi tiết TK 152

Để có thể theo dõi một cách chi tiết số hiện có và tình hình biến động của từng nhóm nguyên vật liệu, kế toán nên mở sổ chi tiết TK 152 theo từng nhóm nguyên vật liệu, gồm:

- TK 1521: Nguyên vật liệu chính
- TK 1522: Nguyên vật liệu phụ
- TK 1523 : Nhiên liệu
- TK 1524: Phụ tùng thay thế
- TK 1525: Vật liệu xây dựng cơ bản
- TK 1526: Phế liệu

.....

+ Nhóm nguyên vật liệu chính : 1521

Loại 1 : Vải chính (15211)

Loại 2 : Vải lót (15212)

Loại 3 : Bông (15213)

Loại 4 : Chỉ (15214)

+ Nhóm nguyên vật liệu phụ : 1522

Phấn may : 15221

Cúc : 15222

Khóa : 15223

Nhãn mác : 15224

+ Nhóm phé liệu : 1523

Vải vụn : 15231

Cúc các loại : 15232

.....

4. Ý kiến 4 : Về sổ chi tiết thanh toán với người bán.

Việc theo dõi thanh toán với người bán là rất cần thiết. Đối với người bán có quan hệ thường xuyên, kế toán đều theo dõi chung trên một quyển sổ. Theo cách nhập này tất cả các nhà cung cấp có quan hệ mua bán với Công ty đều được chung trên một trang sổ. Số lượng hoá đơn thì nhiều, việc nhập nhiều thiếu dòng, sau đó kế toán lại nhập thêm một phần khác vào trang sau làm cho việc tổng hợp theo dõi rất khó và không hệ thống. Các cuộc hạn chế đó theo em nên mở sổ chi tiết thanh toán với người bán trên những trang sổ nhất định, nhập chi tiết mua chủng loại vật liệu gì, theo dõi chi tiết từng lần Công ty thanh toán với người bán. Cuối tháng sổ phát sinh theo từng một tài khoản có liên quan và tính số dư cho từng người bán cụ thể. Riêng Công ty nào có quan hệ mua bán với Công ty Cổ phần May Hai thường xuyên với số lượng nhiều thì nên mở sổ chi tiết thanh toán với người bán riêng cho Công ty đó để tiện việc ghi chép và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Với cách mở sổ như vậy, tin rằng kế toán sẽ ghi được kịp thời, rất tiện đối chiếu với khách hàng khi có nhu cầu, đối chiếu với kế toán thanh toán. Nó giúp cho Công ty theo dõi một cách chính xác rõ ràng đối với từng đối tượng một cách chi tiết giúp cho công ty theo dõi được việc phải trả với khách hàng không bị lẫn.

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN (NGƯỜI MUA)**(Dùng cho TK:
131,331)****Tài khoản:****Đối tượng:****Loại tiền: VND**

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Thời hạn được chiết khấu | Số phát sinh | | Số dư | |
|----------------------------|------------|---------------|-----------------------------------|------------------|--------------------------------------|--------------|----|-------|----|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | | | - Số dư đầu kỳ: | | | | | | |
| | | | - Số phát sinh trong kỳ: | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | - Cộng số phát sinh trong kỳ: | | | | | | |
| | | | - Số dư cuối kỳ: | | | | | | |
| | | | - Số phát sinh lũy kể đầu kỳ: | | | | | | |
| | | | - Số phát sinh lũy kể cuối kỳ: | | | | | | |

5. Ý kiến 5 : Về lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Theo nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì khi có các bằng chứng có thể (hoặc chưa chắc chắn) về sự việc có thể phát sinh các khoản lỗ hoặc phí tổn khi giá trị dự tính của vật liệu giảm sút do hư hỏng... thì cần phải lập dự phòng giảm giá cho vật liệu. Công việc lập dự phòng được tiến hành như sau: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho vật liệu được ghi vào cuối niên độ kế toán khi lập báo cáo tài chính.

- Việc lập dự phòng giảm giá được tính cho từng thứ vật liệu và được thực hiện thống nhất trong toàn Công ty.

- Đối với vật liệu dự trữ cho sản xuất không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nếu giá bán các sản phẩm được sản xuất từ các loại vật liệu dự kiến là cao hơn giá gốc.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm, ghi:

Nợ TK 632- giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 - dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632 - giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

- Cuối niên độ kế toán phải hoàn nhập toàn bộ các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối niên độ trước và lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho đến cuối niên độ tiếp theo. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được phản ánh ở tài khoản 159 "dự phòng giảm giá hàng tồn kho"

6. Ý kiến 6 : Về việc lập ban kiểm nhận vật tư nhập về phân xưởng.

Quá trình quản lý và sử dụng vật liệu của Công ty tương đối chặt chẽ. Tuy nhiên, có tình trạng như đã nêu là vật liệu xuống đến phân xưởng vẫn phát hiện thiếu hụt gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất. Để đảm bảo đưa vật liệu vào sản xuất, cần có chất lượng tốt cung cấp đủ cho nhu cầu sản xuất, tránh sự thiếu hụt khi về đến phân xưởng. Công ty nên tiếp tục lập ban kiểm nhận NVL tại phân xưởng và hết sức chú trọng đến khâu này. Trong quá trình kiểm nhận ghi rõ số lượng thực nhập theo chứng từ vào biên bản kiểm nhận, xác định lượng thừa thiếu, ghi rõ nguyên nhân làm căn cứ để quy trách nhiệm.

PHIẾU BÁO CÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KỲ

| STT | Tên nhãn hiệu Quy cách vật tư | Mã vật liệu | ĐVT | Số lượng | Lí do sử dụng |
|-----|----------------------------------|----------------|-------|-----------|------------------|
| 1 | Vải chính quần âu hàng MH | VCQA | m | 3.752,87 | Sản xuất quần âu |
| 2 | Vải không dệt các loại | VKD | m | 11.892,61 | May áo Somi |
| 3 | Vải lót hàng Gerry | VL-GW | m | 3.640,36 | Lót áo vets |
| 4 | Vải lót túi hàng J.W | VLT-JW | m | 293 | Túi quần |
| 5 | Vải lót lưới hàng Jack | VLL-Jack | m | 2.861 | Lót áo |
| | | | | | |
| | | | | | |

7.Ý kiến 7 : Hoàn thiện về thủ tục nhập, xuất kho vật liệu

Khi công ty mua NVL ngoài thường có hai trường hợp xảy ra :

+ Trường hợp 1 : Nguyên vật liệu mua về tiến hành thủ tục nhập kho và sau đó theo yêu cầu của sản xuất làm thủ tục xuất kho

+ Trường hợp 2 : Do nhu cầu cần nguyên vật liệu ngay nên khi nguyên vật liệu mua về được chuyển thẳng tới bộ phận sản xuất, trong trường hợp này mặc dù không nhập kho nhưng kế toán vẫn tiến hành làm thủ tục nhập xuất kho như trường hợp 1

Như vậy việc thực hiện các thủ tục xuất kho (Trong khi không nhập không xuất) nhiều khi chỉ mang hình thức, phục vụ cho nhu cầu quản lý. Với cách làm này sẽ bị hao phí về lao động kế toán, thủ tục rườm rà. Theo em nên xem xét nên loại bỏ thủ tục xuất kho nếu nguyên vật liệu không nhập kho mà chuyển thẳng

xuồng bộ phận sản xuất. Có thể lập biên bản giao nhận vật tư như sau khi xuất vật tư xuống phân xưởng sản xuất :

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Ngày.....tháng.....năm...

Chúng tôi gồm :

- Ông(bà)..... Người cung ứng
- Ông (bà) :.....Người nhận

Đã tiến hành bàn giao sử dụng vật tư như sau :

| STT | Quy cách, chủng loại vật tư | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------------------|-----|----------|
| | | | |
| | | | |

Đại diện bên cung ứng

Đại diện bên nhận

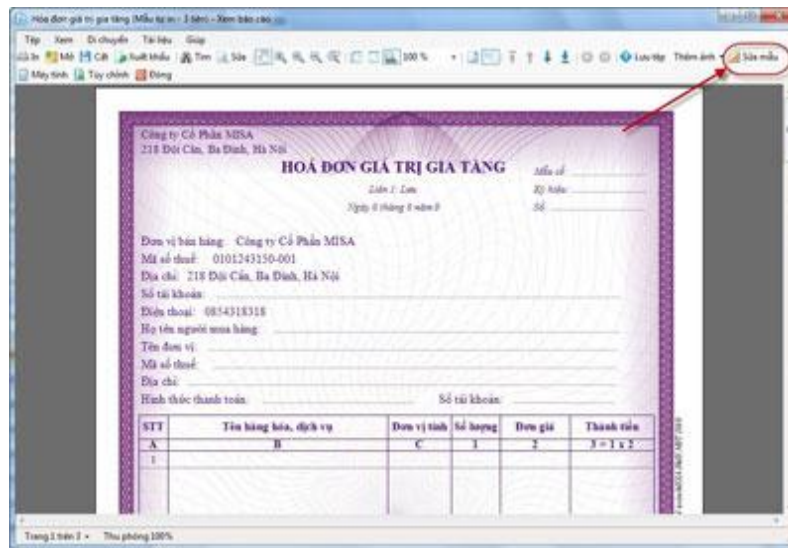
(Ký,họ tên)

(ký, họ tên)

8. Ý kiến 8 : Về vấn đề hiện đại hoá công tác kế toán.

Trong giai đoạn hiện nay, giai đoạn bùng nổ thông tin. Sự phát triển của khoa học công nghệ đã có những thành tựu đáng kể đang được ứng dụng rất rộng rãi trong đời sống nói chung và trong quản lý kinh tế nói riêng. Do đó để có thể nắm bắt được những thông tin nhạy bén, kịp thời nhằm đưa ra những quyết định chính xác, hợp lý. Công ty cần hiện đại hoá công tác kế toán để phù hợp với yêu cầu thực tế. Hay nói cách khác, Công ty cần nhanh chóng nghiên cứu triển khai ứng dụng đồng bộ việc hạch toán kế toán bằng chương trình phần mềm kế toán máy phù hợp hơn. Từ đó giảm bớt số lượng sổ sách kế toán, công tác hạch toán kế toán được nhanh hơn, chính xác hơn. Việc cung cấp thông tin cho lãnh đạo thường xuyên hơn để ban lãnh đạo xí nghiệp có thể nhanh chóng đưa ra những quyết định hợp lý nhằm

đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty. Ví dụ như phần mềm kế toán máy Misa là phần mềm được dùng phổ biến hiện nay nhất trong các doanh nghiệp. Từ 1/4, hơn 400.000 doanh nghiệp (DN) trên toàn quốc sẽ chính thức sử dụng hóa đơn tự in theo Nghị định 51. Để hỗ trợ DN thực thi tốt nghị định này, các DN CNTT đã có những hỗ trợ kịp thời giúp giảm tải những lo lắng khi phải tự in hóa đơn.



Mẫu hóa đơn tự in.

Tự in hóa đơn từ phần mềm kế toán

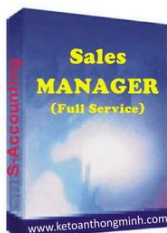
Sớm cập nhật tính năng ngay khi nghị định 51 được ban hành, phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010 của công ty Cổ phần MISA cho phép doanh nghiệp tự tạo và in hóa đơn theo cả ba hình thức: Hóa đơn đặt in, hóa đơn tự in và hóa đơn điện tử. Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010 đã tích hợp sẵn một số mẫu hóa đơn với các thông tin bắt buộc phải có. Doanh nghiệp lựa chọn tự in hóa đơn có thể chỉnh sửa các mẫu hóa đơn có sẵn này cho phù hợp với đặc thù của đơn vị mình như chèn thêm hình ảnh, logo, thay đổi màu sắc, font chữ... Đồng thời, MISA SME.NET 2010 còn hỗ trợ đánh số hóa đơn theo đúng quy định, tránh nhầm lẫn hoặc trùng lặp hóa đơn.

Đặc biệt, phần mềm này cũng giúp các doanh nghiệp tránh những sai sót không đáng có trong quá trình in hóa đơn. Theo quy định, hóa đơn chỉ được sử dụng một lần. Với việc tự in hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP, MISA SME.NET 2010 có tính năng theo dõi hóa đơn và tự động cảnh báo cho người sử dụng biết mình đã in hóa đơn ra chưa, và hóa đơn đã được in bao nhiêu lần. Điều này giúp kế toán viên giảm thiểu những sai sót khi in hóa đơn.

Các tính năng đáp ứng nghị định 51 của MISA SME.NET đã được Tổng cục Thuế thẩm định.



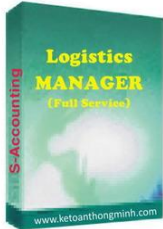
- Ngoài ra còn có nhiều phần mềm khác như:



Giá :2.600.000VNĐ

- Có video hướng dẫn từng thao tác
- Có bộ quản trị nhập xuất tồn, theo dõi bán hàng...
- Dễ sử dụng, dễ thao tác

- Hướng dẫn sử dụng + bảo trì: 12 tháng



Giá :9.000.000VNĐ

- Tuân thủ các chuẩn mực mới nhất của Bộ Tài chính
- Có bộ quản trị Giao nhận vận tải
- Có video hướng dẫn từng thao tác
- Dễ sử dụng
- Bảo hành trọn đời sản phẩm
- Hướng dẫn + Bảo trì: 12 tháng

KẾT LUẬN

Một lần nữa chúng ta có thể khẳng định công tác kế toán nguyên vật liệu, có vai trò quan trọng trong quản lý kinh tế nói chung và quản lý tài chính nói riêng. Kế toán vật liệu giúp cho các doanh nghiệp sản xuất theo dõi được chặt chẽ nguyên vật liệu cả về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị xuất nhập tồn kho. Thông qua đó Công ty có thể sử dụng hợp lý, tiết kiệm được các loại vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, góp phần vào tăng tích lũy, tái sản xuất xã hội.

Sau thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế Công ty Cổ phần May Hai, em càng nhận thức được ý nghĩa kế toán vật liệu trong việc tổ chức sản xuất của Công ty. Những kết quả nghiên cứu thực tế ở Công ty đã giúp em củng cố những kiến thức đã học vào thực tiễn và thực hiện chuyên đề thực tập.

Trong điều kiện cho phép khả năng, trình độ bản thân, chuyên đề thực tập giải quyết được yêu cầu sau.

- Về lý luận: Chuyên đề thực tập trình bày khái quát hệ thống vấn đề lý luận, cơ bản về kế toán vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.

- Về thực tế: Chuyên đề thực tập trình bày thực tế công tác quản lý và quy trình kế toán vật liệu tại Công ty Cổ phần May Hai trên cơ sở phân tích thực tế, em đề xuất những vấn đề cơ bản và những biện pháp hoàn thiện công tác kế toán vật liệu nói riêng và quản lý hạch toán kế toán nói chung.

Trên đây là toàn bộ chuyên đề thực tập tốt nghiệp với đề tài "Tổ chức kế toán nguyên vật liệu và phân tích tình hình quản lý sử dụng nguyên vật liệu ở Công ty cổ phần May Hai".

Do trình độ có hạn, kinh nghiệm thực tế chưa có nên không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong được sự chỉ bảo, giúp đỡ của thầy giáo Thạc sỹ Phạm Văn Tường để em hoàn thành chuyên đề thực tập !

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| LỜI NÓI ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT | |
| I. Ý nghĩa nguyên vật liệu và quản lý nguyên vật liệu tại trong doanh nghiệp | 2 |
| 1. Vai trò của nguyên vật liệu | 2 |
| 1.1 Đặc điểm của nguyên vật liệu..... | 2 |
| 1.2. Vai trò của vật liệu | 3 |
| 2. Phân loại và đánh giá NVL | 3 |
| 2.1. Phân loại NVL | 3 |
| 2.2. Định giá NVL..... | 5 |
| 3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu | 8 |
| 3.1. Yêu cầu của công tác quản lý nguyên vật liệu..... | 8 |
| 3.2. Nhiệm vụ của kế toán vật liệu..... | 13 |
| II. Tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu | |
| 1. Chứng từ và sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu..... | 14 |
| 2. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu..... | 15 |
| 2.1. Phương pháp thẻ song song..... | 16 |
| 2.2. Phương pháp sổ dư..... | 18 |
| III. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu | 19 |
| 1. Thủ tục chứng từ..... | 20 |
| 2. Hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê thường xuyên..... | 21 |
| 3. Hạch toán NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ..... | 23 |
| CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NVL TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI. | |
| I. Đặc điểm chung về Công ty cổ phần May Hai | 28 |

| | |
|--|-----------|
| 1. Sơ lược về sự hình thành và phát triển | 28 |
| 2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 29 |
| 3. Những thuận lợi, khó khăn, thành tích mà công ty đã đạt được..... | 32 |
| 4. Bộ máy tổ chức | 33 |
| 5. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán..... | 35 |
| II. Tổ chức hạch toán NVL tại Công ty | 40 |
| 1. Đặc điểm quản lý NVL và phân loại VL..... | 40 |
| 2. Đánh giá NVL..... | 41 |
| 3. Công tác xây dựng và thực hiện định mức tiêu dùng NVL ở Cty..... | 42 |
| 4. Công tác quản lý NVL tại Công ty Cổ phần May Hai..... | 42 |
| 5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty | 43 |
| 6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu ở Công ty | 70 |
| CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN | |
| THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY | |
| CỔ PHẦN MAY HAI | |
| 1. Nhận xét và đánh giá về công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty. | |
| 1.1. Về bộ máy kế toán | 69 |
| 1.2. Về hệ thống chứng từ và phương pháp hạch toán | 70 |
| 1.3. Về hệ thống Tài khoản, sổ sách và báo cáo..... | 70 |
| 1.4. Về tổ chức công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu..... | 71 |
| 2. Sự cần thiết hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu ở công ty Cổ phần May Hai..... | |
| 3. Một số đề xuất để hoàn thiện công tác kế toán NVL tại công ty Cổ phần May Hai. | |
| 3.1. Công tác quản lý nguyên vật liệu..... | 73 |
| 3.2. Về hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu..... | 73 |
| 3.3. Về dự phòng giảm giá tồn kho nguyên vật liệu..... | 73 |
| 3.4. Một số kiến nghị khác..... | 74 |

KẾT LUẬN 75